

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Bảo Long ngày 30/06/2023,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 33/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022.
- Điều 3.** Thông qua Tờ trình số 24/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 25/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc lựa chọn thời điểm thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Điều 5.** Thông qua Tờ trình số 34/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt định hướng chiến lược giai đoạn 2023 – 2027.
- Điều 6.** Thông qua Tờ trình số 35/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kế hoạch kinh doanh năm 2023.
- Điều 7.** Thông qua Tờ trình số 32/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023.
- Điều 8.** Thông qua Tờ trình số 28/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc sửa đổi điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Điều 9.** Thông qua Tờ trình số 29/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Điều 10.** Thông qua Tờ trình số 30/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Điều 11.** Thông qua Báo cáo số 04/2023/BC-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.



- Điều 12.** Thông qua Báo cáo số 16/2023/BC-BKS ngày 01/06/2023 của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Điều 13.** Thông qua Tờ trình số 31/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
- Điều 14.** Thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Điều 15.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2023. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được đăng tải trên website của Bảo Long.

T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN THÀNH LONG



BIÊN BẢN**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Tên doanh nghiệp : Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

Địa chỉ : 185 Điện Biên Phủ, P. Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15/4/2014 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép số 71/GP/KDBH.

Hôm nay, vào lúc 8h30 ngày 30 tháng 06 năm 2023, tại Phòng Hội nghị Lầu 2 – Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, phường Đakao, Quận 1, TP.HCM, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

I. DIỄN BIẾN VÀ NỘI DUNG PHIÊN HỌP**1. Phần nghi thức:**

Tuyên bố lý do và báo cáo những thủ tục đã thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Bảo Long.

1.1. Bà Lê Thị Thanh Bình – Trưởng Ban Kiểm soát - thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần của Bảo Long là 60.000.000 cổ phần, tương ứng với 60.000.000 quyền biểu quyết (01 cổ phần/01 quyền biểu quyết).
- Tổng số cổ đông được mời tham dự theo danh sách chốt ngày 31/05/2023 là 1.312 cổ đông, tương ứng với 59.999.474 cổ phần và tương ứng với 59.999.474 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số cổ đông tham dự, ủy quyền hợp lệ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp là 09 cổ đông, đại diện cho 53.074.206 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,46%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Bảo Long, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Bảo Long tổ chức vào ngày 30/06/2023 hội đủ các điều kiện tiến hành.

1.2. Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu:

1.2.1. Chủ tọa đoàn:

- Ông Nguyễn Thành Long – Chủ tịch HĐQT – Chủ trì Đại hội
- Bà Lê Thị Thanh Bình – Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Phan Quốc Dũng – Phó CT thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1.2.2. Ban Thư ký:

- Bà Nguyễn Thúy Hằng – GDK Hỗ trợ kiêm CVP.HĐQT – Trưởng ban



- Bà Phạm Trần Đan Vy – Trợ lý Tổng Giám đốc – Thành viên
- Bà Hồ Bảo Vy – Trưởng bộ phận QLRR – Thành viên

1.2.3. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Hà Minh Hiếu – Kế toán trưởng – Trưởng ban
- Ông Ngô Văn Thắng – Phó GD. Ban CNTT – Phó ban
- Ông Trương Cam Anh Tuấn – Đại diện cổ đông – Thành viên

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu với tỷ lệ đồng ý là 100% trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

2. Phần nội dung Đại hội:

2.1. Ông Nguyễn Thành Long – Chủ tịch HĐQT phát biểu khai mạc.

2.2. Ông Nguyễn Thành Long – Chủ tịch HĐQT trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

ĐHĐCĐ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100% trên tổng số cổ phần tham dự ĐH.

2.3. Ông Nguyễn Thành Long – Chủ tịch HĐQT trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

ĐHĐCĐ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100% trên tổng số cổ phần tham dự ĐH.

2.4. Ông Phan Quốc Dũng – Phó CT Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày:

- Tờ trình thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Tờ trình về Lựa chọn thời điểm thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo lựa chọn cho người lao động (ESOP)
- Tờ trình về định hướng chiến lược giai đoạn 2023-2027;
- Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2023;
- Tờ trình về kế hoạch thu lao HĐQT, BKS năm 2023;
- Tờ trình sửa đổi Điều lệ lần thứ 13;
- Tờ trình về ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Tờ trình về ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT;

2.4.1. Về kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Chỉ tiêu	KH 2022 triệu đồng	TH 2022 triệu đồng	HTKH %
Doanh thu phí BH	1.558.851	1.587.790	
- Phí BH	1.700.000	1.608.492	94,6%
- Tăng (giảm) dự phòng phí	(141.149)	(20.702)	
Phí nhượng tái	(561.318)	(566.926)	
- Phí nhượng tái	(608.905)	(550.524)	
-Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái	47.587	(16.402)	



Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	193.378	156.575	
Doanh thu thuần hoạt động BH gốc	1.190.911	1.177.439	98,9%
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(601.276)	(656.867)	
Thu bồi thường nhượng tái	232.728	278.259	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(10.205)	(10.580)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(588.377)	(551.217)	
- Chi hoa hồng	(180.873)	(166.579)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(407.504)	(384.638)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(967.130)	(940.405)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	223.781	237.034	105,9%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	130.000	136.276	104,8%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(274.839)	(262.839)	
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	78.942	110.471	139,9%
Lợi nhuận khác	0	(356)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.942	110.115	139,5%

2.4.2. Về Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	TH 2022 triệu đồng	KH 2023 triệu đồng	% tăng trường
Doanh thu phí BH	1.587.790	1.609.378	
- Phí BH	1.608.492	1.610.000	0%
- Tăng (giảm) dự phòng phí	(20.702)	(622)	
Phí nhượng tái	(566.926)	(447.936)	
- Phí nhượng tái	(550.524)	(426.325)	
-Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái	(16.402)	(21.611)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	156.575	114.307	
Doanh thu thuần hoạt động BH gốc	1.177.439	1.275.749	8%
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(656.867)	(593.860)	
Thu bồi thường nhượng tái	278.259	208.539	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(10.580)	(11.836)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(551.217)	(619.726)	
- Chi hoa hồng	(166.579)	(166.735)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(384.638)	(452.991)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(940.405)	(1.016.883)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	237.034	258.866	9%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	136.276	103.900	-24%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(262.839)	(263.086)	0
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	110.471	99.680	-10%
Lợi nhuận khác	(356)	0	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.115	99.680	-9%

2.4.3. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
1	Lợi nhuận trước thuế	110.115.451.820	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	22.271.229.448	
3	Lợi nhuận sau thuế	87.844.222.372	= (1) – (2)
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	4.392.211.119	= (3) * 5%
5	Lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	83.452.011.253	= (3) – (4)
6	Thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	4.172.600.563	Tương ứng 5% lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ Chỉ tiết việc thực hiện theo Tờ trình số 07/2019/TT-HĐQT ngày 18/03/2019)
7	Lợi nhuận giữ lại	79.279.410.690	

2.5. Ông Nguyễn Thành Long – Chủ tịch HĐQT trình bày:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023

2.6. Bà Lê Thị Thanh Bình – Trưởng Ban kiểm soát trình bày:

- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
- Tờ trình chọn Đơn vị kiểm toán Bảo Long năm 2023.

3. Đại hội thảo luận:

3.1. Ý kiến của cổ đông: Nguyễn Thị Lê Vinh

- Đề nghị Chủ tọa đoàn Bảo Long giải thích rõ hơn về mục đích giữ lại lợi nhuận theo Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022.

3.2. Ý kiến của cổ đông: Đại diện Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank):

- Về phân phối lợi nhuận 2022: Đề nghị chia tổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% - 12%.
- Về kế hoạch lợi nhuận năm 2023: Đề nghị xem xét xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2023 tối thiểu bằng năm 2022.
- Về chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023 – 2027: Đề nghị xem xét xây dựng,
 - Mức tăng trưởng doanh thu tối thiểu 11%;
 - ROE tối thiểu 10%.
- Về phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động: Đề nghị triển khai thực hiện ESOP cho người lao động theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ các năm thông qua.
- Về thù lao HĐQT/ BKS năm 2023: Đề nghị mức thù lao 3% lợi nhuận trước thuế.

Phản hồi của Chủ toạ đoàn:

- Về việc giữ lại lợi nhuận theo Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022: Bảo Long giữ lại lợi nhuận nhằm mục đích tăng vốn, qua đó từng bước nâng cao năng lực tài chính của Bảo Long. Khi các quy định pháp luật được hoàn thiện, Bảo Long sẽ thực hiện việc tăng vốn điều lệ. Theo đó, ESOP sẽ được thực hiện cùng với việc tăng vốn.
- Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022 được Bảo Long xây dựng với tỷ lệ tăng trưởng khá cao, theo kế hoạch kết thúc năm 2022 Bảo Long sẽ đạt doanh thu 2.000 tỷ đồng. Nhưng do yếu tố dịch bệnh tác động mạnh đến kết quả kinh doanh, Bảo Long chưa đạt được kế hoạch theo chiến lược 5 năm đã đề ra. Với kế hoạch 5 năm tiếp theo (2023 – 2027), Bảo Long xây dựng tỷ lệ tăng trưởng phù hợp, trên cơ sở phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Về thù lao HĐQT/ BKS: Tỷ lệ thù lao HĐQT/ BKS năm 2023 bằng mức thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt trong các năm qua.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội tiến hành bầu cử và biểu quyết thông qua các nghị quyết theo chương trình nghị sự:

- Nghị quyết 1.** Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100%/tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 2.** Thông qua Tờ trình số 33/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100%/tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 3.** Tờ trình số 24/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 4.** Thông qua Tờ trình số 25/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc lựa chọn thời điểm thực hiện chương trình thường cổ phiếu theo lựa chọn cho người lao động (ESOP), với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 5.** Thông qua Tờ trình số 34/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt định hướng chiến lược giai đoạn 2023 – 2027, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 6.** Thông qua Tờ trình số 35/2023/TT-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kế hoạch kinh doanh năm 2023, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 7.** Thông qua Tờ trình số 32/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- Nghị quyết 8.** Thông qua Tờ trình số 28/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc sửa đổi điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo



hiểm Bảo Long, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Nghị quyết 9. Thông qua Tờ trình số 29/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Nghị quyết 10. Thông qua Tờ trình số 30/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Nghị quyết 11. Thông qua Báo cáo số 04/2023/BC-HĐQT ngày 27/06/2023 của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

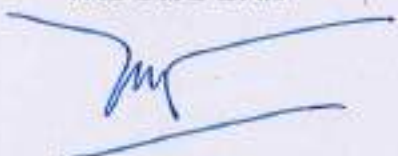
Nghị quyết 12. Thông qua Báo cáo số 16/2023/BC-BKS ngày 01/06/2023 của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 93% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Nghị quyết 13. Thông qua Tờ trình số 31/2023/TT-HĐQT ngày 09/06/2023 của Hội đồng Quản trị về việc chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% /tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết đã được trình bày toàn văn trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua đồng ý với tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

Ông Nguyễn Thành Long - Chủ tịch HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn phát biểu bế mạc Đại hội. Đại hội kết thúc lúc 11h00 cùng ngày.

**BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THÚY HẰNG



NGUYỄN THÀNH LONG

Số: 22 /2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế tổ chức
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười hai) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 25/03/2022,

Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Dự thảo Quy chế gồm 4 Chương và 14 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG
TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÀNH LONG

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là Bảo Long).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là Đại hội), điều kiện, thể thức tiến hành và thể lệ biểu quyết của cuộc họp.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/05/2023 có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền theo mẫu kèm Thư mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền được ký bởi chính cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/ tổ chức đó.

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết (ghi tên cổ đông, mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu trước đó thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào "Phiếu ghi ý kiến đóng góp" và gửi lại Ban Thư ký để tập hợp và chuyển cho Chủ tọa đoàn.
- d. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- e. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa đoàn

1. Chủ tọa đoàn do Hội đồng Quản trị giới thiệu, thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa đoàn gồm có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa và các thành viên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một trong số họ làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số.
3. Nhiệm vụ của Chủ tọa đoàn:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - c. Trình dự thảo các báo cáo, tờ trình và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Yêu cầu thực hiện các biện pháp an ninh nếu cần thiết: Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, thư mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 27/03/2023 để kiểm tra tính hợp lệ;
 - b. Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
 - c. Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- d. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết của Đại hội.
- e. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa đoàn giới thiệu.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội;
 - b. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
 - c. Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội.
 - d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
 - b. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội.
 - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2023.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không làm mất trật tự, không sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 11. Thẻ lệ biểu quyết

1. Mọi Nghị quyết của Đại hội phải được biểu quyết một cách công khai, trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền (nếu có).
3. Cách thức biểu quyết: cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề bằng Thẻ biểu quyết:



Mỗi cổ đông nhận 01 Thẻ biểu quyết có in đầy đủ họ và tên, mã số cổ đông, số lượng cổ phần và có đóng dấu treo của Bảo Long. Cổ đông biểu quyết từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa đoàn. Đối với từng vấn đề biểu quyết, cổ đông sẽ cho ý kiến "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến".

Điều 12. Thông qua các nội dung biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV **KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Điều 13. Biên bản và nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 4 chương, 14 điều, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN THÀNH LONG



Số: 33./2023/TT-HDQT

TỜ TRÌNH

V/v Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 của
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2022 của Bảo Long đã được kiểm toán như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Chỉ tiêu	KH 2022 triệu đồng	TH 2022 triệu đồng	HTKH %
Doanh thu phí BH	1.558.851	1.587.790	
- Phí BH	1.700.000	1.608.492	94,6%
- Tăng (giảm) dự phòng phí	(141.149)	(20.702)	
Phí nhượng tái	(561.318)	(566.926)	
- Phí nhượng tái	(608.905)	(550.524)	
-Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái	47.587	(16.402)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	193.378	156.575	
Doanh thu thuần hoạt động BH gốc	1.190.911	1.177.439	98,9%
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(601.276)	(656.867)	
Thu bồi thường nhượng tái	232.728	278.259	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(10.205)	(10.580)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(588.377)	(551.217)	
- Chi hoa hồng	(180.873)	(166.579)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(407.504)	(384.638)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(967.130)	(940.405)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	223.781	237.034	105,9%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	130.000	136.276	104,8%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(274.839)	(262.839)	
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	78.942	110.471	139,9%
Lợi nhuận khác	0	(356)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.942	110.115	139,5%

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2022 vượt kế hoạch đề ra về lợi nhuận, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 110.115 triệu đồng, tương ứng với 139,5% kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.608.492 triệu đồng, tăng trưởng 13,3% so với năm 2021, hoàn thành 94,6% kế hoạch đề ra.

Chi phí bồi thường

Chi phí bồi thường bảo hiểm là 656.867 triệu đồng. Theo đó, tỷ lệ bồi thường tính trên doanh thu phí bảo hiểm là 40,8%, cao hơn tỷ lệ kế hoạch 2022 là 35,4%. Nguyên nhân chính là do trong năm 2022 đã xảy ra các vụ tổn thất lớn ở nghiệp vụ tài sản và tàu thuyền.

Chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKDBH tại đơn vị kinh doanh

Tổng chi phí hoa hồng, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát sinh trong năm 2022 là 551.217 triệu đồng, tương ứng 34,3% doanh thu phí bảo hiểm, xấp xỉ tỷ lệ kế hoạch.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng thể, lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2022 đạt 136.276 triệu đồng, tăng 5% so với kế hoạch năm 2022, tương ứng ROI là 10,76%. Dưới đây là kết quả đầu tư theo từng nhóm tài sản đầu tư, cụ thể như sau:

STT	Nhóm tài sản đầu tư	Kế hoạch (triệu đồng)			Thực hiện (triệu đồng)		
		Nguồn BQ	Thu nhập	ROI	Nguồn BQ	Thu nhập	ROI
1	Tiền gửi ngân hàng	786.141	46.950	5-6%	857.608	52.801	6,16%
2	CCTG tại TCTD	150.000	17.000	10-11%	221.515	20.576	9,29%
3	TPDN	130.000	11.050	8,5-9%	120.782	11.072	9,17%
4	Chứng khoán	82.000	55.000	67%	66.913	51.827	77,45%
	TỔNG	1.148.141	130.000	11%	1.266.820	136.276	10,76%

1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2022 là 262.839 triệu đồng, thấp hơn so với kế hoạch 2022.

1.4. Lợi nhuận kế toán trước thuế

Trên cơ sở chủ trương được phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2021, việc phân phối lợi nhuận dự kiến năm 2022 sẽ được thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	2022 triệu đồng
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.115
2	Thuế TNDN 2022	22.271
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	87.844

STT	Chỉ tiêu	2022 triệu đồng
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc (5%/LNST)	4.392
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	83.452

Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ dự kiến sẽ được phân phối theo nội dung sau:

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với tỷ lệ 5%;
- Lợi nhuận giữ lại.

Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được thực hiện trên cơ sở Nghị Quyết ĐHĐCĐ

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Trên cơ sở kết quả kinh doanh nêu trên, Bảo Long đã lập báo cáo tài chính năm 2022 theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam và được đính kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 và báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Thành Long



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

**Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

1529/GP-UB

ngày 11 tháng 7 năm 1995

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

059614

ngày 2 tháng 8 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long
Ông Phan Quốc Dũng

Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Trương Khánh Hoàng

Bà Phạm Minh Châm
Ông Hoàng Minh Hoàn

Ông Nguyễn Thành Nam

Ông Lại Quốc Phong

Ông Nguyễn Cửu Tinh

Ông Phan Quốc Dũng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch Thường trực
(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Phó Chủ tịch
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Thành viên
Thành viên
(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Thành viên
(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Thành viên
(từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)

Thành viên
(đến ngày 25 tháng 3 năm 2022)

Thành viên
(đến ngày 25 tháng 3 năm 2022)

Ban Điều hành

Ông Phan Quốc Dũng

Bà Lê Thị Ngọc Hương

Bà Phạm Minh Châm

Ông Hà Minh Hiếu
Bà Nguyễn Thúy Hằng

Tổng Giám đốc
(từ ngày 13 tháng 12 năm 2022)

Tổng Giám đốc
(từ ngày 5 tháng 3 năm 2022
đến ngày 31 tháng 8 năm 2022)

Phó Tổng Giám đốc Điều hành
kiểm Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng
Giám đốc khối Hỗ trợ
kiểm Chánh Văn phòng HĐQT

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Phan Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00367-23-1



Hà Văn Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		2.315.615.627.929	2.103.112.308.798
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	643.386.774.379	676.700.501.854
Tiền	111		274.751.537.174	384.380.639.449
Các khoản tương đương tiền	112		368.635.237.205	292.319.862.405
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		803.766.567.758	743.938.720.441
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	60.414.366.344	82.041.184.837
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(12.352.954.630)	(3.947.452.312)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	755.705.156.044	665.844.987.916
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	426.328.223.960	298.543.861.715
Phải thu của khách hàng	131		310.600.359.714	246.977.980.002
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>310.600.359.714</i>	<i>246.977.980.002</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		157.750.134.164	94.534.879.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.022.269.918)	(42.968.997.505)
Hàng tồn kho	140		477.745.003	654.500.690
Hàng tồn kho	141		477.745.003	654.500.690
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.376.640.162	84.230.722.550
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	83.376.640.162	84.230.722.550
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>		<i>80.717.843.780</i>	<i>83.353.873.817</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>151.2</i>		<i>2.658.796.382</i>	<i>876.848.733</i>
Tài sản tái bảo hiểm	190	17(a)	358.279.676.667	299.044.001.548
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		196.282.630.081	212.684.385.594
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		161.997.046.586	86.359.615.954

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		207.005.598.431	187.462.145.099
Các khoản phải thu dài hạn	210		12.740.421.990	13.068.224.306
Phải thu dài hạn khác	218	6	12.740.421.990	13.068.224.306
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	<i>218.1</i>		<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>218.2</i>		<i>740.421.990</i>	<i>1.068.224.306</i>
Tài sản cố định	220		111.893.322.972	107.374.320.091
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.479.650.741	21.732.025.989
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>46.065.356.528</i>	<i>45.773.120.164</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(26.585.705.787)</i>	<i>(24.041.094.175)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	9	76.465.802.231	72.414.014.102
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>86.185.826.627</i>	<i>81.426.310.127</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(9.720.024.396)</i>	<i>(9.012.296.025)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	15.947.870.000	13.228.280.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	46.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		47.503.000.000	35.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		36.371.853.469	33.019.600.702
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.128.383.001	21.479.966.634
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	5.220.115.626	6.083.149.955
Tài sản dài hạn khác	268		8.023.354.842	5.456.484.113
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.522.621.226.360	2.290.574.453.897

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.774.653.906.137	1.558.271.988.824
Nợ ngắn hạn	310		1.771.027.506.804	1.554.545.589.491
Phải trả cho người bán	312		347.845.341.967	303.802.792.295
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>	<i>13</i>	<i>347.845.341.967</i>	<i>303.802.792.295</i>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	26.165.543.198	11.853.775.305
Phải trả người lao động	315		6.141.227.142	7.559.577.497
Chi phí phải trả	316		34.021.717.599	46.099.598.805
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.344.795.198	13.249.660.735
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	108.250.792.281	47.578.848.251
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	58.895.295.871	65.001.201.436
Dự phòng nghiệp vụ	329		1.174.362.793.548	1.059.400.135.167
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>17(a)</i>	<i>663.530.871.731</i>	<i>642.828.375.544</i>
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.2</i>	<i>17(a)</i>	<i>417.763.513.417</i>	<i>334.083.034.511</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>329.3</i>	<i>17(b)</i>	<i>93.068.408.400</i>	<i>82.488.725.112</i>
Nợ dài hạn	330		3.626.399.333	3.726.399.333
Phải trả dài hạn khác	333		180.000.000	280.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.446.399.333	3.446.399.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		747.967.320.223	732.302.465.073
Vốn chủ sở hữu	410	18	747.967.320.223	732.302.465.073
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		29.778.575.768	25.386.364.649
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.578.079.395	9.777.766.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.031.919.905	97.559.589.129
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.522.621.226.360	2.290.574.453.897

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		115.739.856.747	86.669.669.606
Nợ khó đòi đã xử lý		14.269.218.702	14.269.218.702
Ngoại tệ – USD	33(b)	2.026.871	1.646.284

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Châu Hậu Doanh Doanh
Kế toán

Người kiểm soát:

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.177.438.957.389	1.092.236.268.741
Doanh thu hoạt động tài chính	12	150.519.250.329	103.656.230.835
Thu nhập khác	13	195.555.029	1.032.895.371
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	940.404.438.673	802.127.681.371
Chi phí hoạt động tài chính	22	14.243.216.744	6.990.629.125
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	262.839.158.897	282.449.879.617
Chi phí khác	24	551.496.613	737.959.584
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	110.115.451.820	104.619.245.250
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21.408.195.119	10.574.731.649
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	863.034.329	11.077.270.751
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	87.844.222.372	82.967.242.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.401	1.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01		1.587.789.905.788	1.467.736.144.782
Trong đó:				
- <i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1	20(a)	1.360.904.710.589	1.237.059.394.829
- <i>Phí nhận tái bảo hiểm</i>	01.2	20(b)	247.587.691.386	182.055.652.166
- <i>Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	01.3	17(a)(ii)	20.702.496.187	(48.621.097.787)
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		566.925.828.756	536.927.373.026
Trong đó:				
- <i>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.1	21	550.524.073.243	508.298.094.246
- <i>Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.2	17(a)(ii)	(16.401.755.513)	(28.629.278.780)
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		1.020.864.077.032	930.808.771.756
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		156.574.880.357	161.427.496.985
Trong đó:				
- <i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	04.1	22	154.126.995.599	161.178.778.934
- <i>Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	04.2		2.447.884.758	248.718.051
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.177.438.957.389	1.092.236.268.741
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	23	559.955.984.713	471.287.813.580
Trong đó:				
- <i>Tổng chi bồi thường</i>	11.1		562.561.144.395	472.032.329.020
- <i>Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)</i>	11.2		2.605.159.682	744.515.440
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	202.621.475.801	181.947.699.770
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17(a)(i)	83.680.478.906	19.569.135.692
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17(a)(i)	75.637.430.632	(20.879.399.275)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15		365.377.557.186	329.788.648.777

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

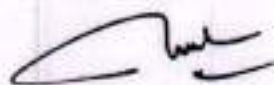
Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17(b)	10.579.683.288	9.108.169.527
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	564.447.198.199	463.230.863.067
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		166.578.768.713	150.987.835.458
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		397.868.429.486	312.243.027.609
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		940.404.438.673	802.127.681.371
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		237.034.518.716	290.108.587.370
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	150.519.250.329	103.656.230.835
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	14.243.216.744	6.990.629.125
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		136.276.033.585	96.665.601.710
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	262.839.158.897	282.449.879.617
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		110.471.393.404	104.324.309.463
Thu nhập khác	31		195.555.029	1.032.895.371
Chi phí khác	32		551.496.613	737.959.584
(Lỗ)/lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(355.941.584)	294.935.787
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		110.115.451.820	104.619.245.250
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	21.408.195.119	10.574.731.649
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	863.034.329	11.077.270.751
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		87.844.222.372	82.967.242.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.401	1.333

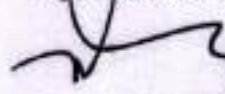
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh
Kế toán

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.683.343.387.598	1.435.472.922.227
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	222.952.578.518	170.745.191.560
Tiền chi			
Tiền chi trả người bán và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.206.668.923.930)	(1.004.635.423.993)
Tiền chi trả người lao động	03	(197.220.881.514)	(187.246.505.038)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(7.574.731.649)	(28.202.165.832)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(430.557.142.209)	(309.277.137.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.274.286.814	76.856.881.478
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.619.342.864)	(13.469.124.924)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	481.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.811.705.916.930)	(24.284.793.059.930)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.711.245.815.293	24.442.681.492.845
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.107.220.040	87.760.161.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.972.224.461)	232.660.469.826

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

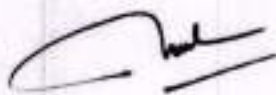
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	MA số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(70.605.428.587)	(55.423.733.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(70.605.428.587)	(55.423.733.943)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(33.303.366.234)	254.093.617.361
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	676.700.501.854	422.206.150.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(10.361.241)	400.733.837
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	643.386.774.379	676.700.501.854

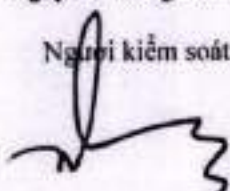
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh
 Người lập

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành Việt Nam (31/12/2021: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 988 nhân viên (31/12/2021: 970 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(l)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại Thuyết minh 3(1), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chỉ trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 (“Công văn 792”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng IBNR đang được áp dụng theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi quỹ dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ kế toán và được trích lập dựa trên doanh thu phí bảo hiểm giữ lại và kinh nghiệm của Ban Điều hành Tổng Công ty về dữ liệu quá khứ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – *Hợp đồng Bảo hiểm* (“VAS 19”), các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính hiện chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng VAS 19 nên dự phòng dao động lớn được Tổng Công ty trích lập hàng năm theo Công văn 792 theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được tính như sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn): dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/8. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn: dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/365. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng IBNR được trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng này được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau.

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định 73 và Thông tư 50.

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) đối với hoạt động bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được bán thanh toán về tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm đối với hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày hiệu lực và phí bảo hiểm phải thu liên quan đến kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên hay hợp đồng đóng phí bảo hiểm một lần bị quá hạn trên 30 ngày.

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(r) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(s) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(1)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(t) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong năm kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(v) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động trên một bộ phận là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(z) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(aa) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.033.671.320	2.937.669.745
Tiền gửi ngân hàng	272.717.865.854	381.442.969.704
Các khoản tương đương tiền (i)	368.635.237.205	292.319.862.405
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	643.386.774.379	676.700.501.854

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND và có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là từ 4,40% đến 9,40% (31/12/2021: 4,40% đến 8,00%).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2022			Số lượng cổ phiếu	31/12/2021		
		Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>								
HPG	220.000	7.763.750.000	3.960.000.000	(3.803.750.000)	-	-	-	-
QNS	180.000	7.370.310.000	6.476.400.000	(893.910.000)	150.000	6.001.310.000	6.001.310.000	-
STB	210.000	6.700.000.000	4.725.000.000	(1.975.000.000)	-	-	-	-
QTP	350.000	5.710.000.000	4.581.500.000	(1.128.500.000)	560.000	7.533.579.487	7.533.579.487	-
TDM	170.000	5.092.043.260	5.092.043.260	-	230.000	6.889.235.000	6.889.235.000	-
PEG	199.351	4.186.371.000	1.176.170.900	(3.010.200.100)	-	-	-	-
VCB	-	-	-	-	71.300	7.121.021.294	5.618.440.000	(1.502.581.294)
TCB	-	-	-	-	140.000	7.000.894.118	7.000.000.000	(894.118)
CTD	-	-	-	-	90.000	6.383.000.000	6.383.000.000	-
DIG	-	-	-	-	499.227	5.801.831.136	5.801.831.136	-
VHC	-	-	-	-	100.000	5.308.380.000	5.308.380.000	-
Cổ phiếu khác	133.307	3.629.896.084	2.088.301.554	(1.541.594.530)	332.758	10.039.937.802	7.595.960.902	(2.443.976.900)
		40.452.370.344	28.099.415.714	(12.352.954.630)		62.079.188.837	58.131.736.525	(3.947.452.312)
<i>Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết</i>								
Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)	1.153.173	19.961.996.000	19.961.996.000	-	1.153.173	19.961.996.000	19.961.996.000	-
		60.414.366.344	48.061.411.714	(12.352.954.630)		82.041.184.837	78.093.732.525	(3.947.452.312)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.947.452.312	3.918.306.952
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	8.405.502.318	29.145.360
Số dư cuối năm	<u>12.352.954.630</u>	<u>3.947.452.312</u>

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn tại ngân hàng (i)	730.705.156.044	530.776.588.016
▪ Trái phiếu (ii)	25.000.000.000	135.068.399.900
	<u>755.705.156.044</u>	<u>665.844.987.916</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn tại ngân hàng (iii)	6.000.000.000	24.000.000.000
▪ Trái phiếu (iv)	41.503.000.000	11.503.000.000
	<u>47.503.000.000</u>	<u>35.503.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (v)	<u>(1.503.000.000)</u>	<u>(1.503.000.000)</u>
	<u>46.000.000.000</u>	<u>34.000.000.000</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất năm từ 4,90% đến 10,50% (31/12/2021: từ 4,60% đến 9,40%).
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có kỳ hạn sáu (6) tháng với mức lãi suất năm là 9,30%.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại trên 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm với mức lãi suất năm từ 9,20% đến 11,50% (31/12/2021: 5,10% đến 6,40%).
- (iv) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Tân Việt.
- (v) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	68.577.894.356	53.030.928.320
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	82.423.464.839	98.008.958.541
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	150.894.132.249	89.599.174.797
Phải thu phí đồng bảo hiểm	8.480.155.082	6.242.683.967
Phải thu khác	224.713.188	96.234.377
	<hr/>	<hr/>
	310.600.359.714	246.977.980.002
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(37.507.491.257)	(38.384.820.750)
	<hr/>	<hr/>
Tổng phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	273.092.868.457	208.593.159.252

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	40.597.276.919	31.698.732.367
Tạm ứng chi phí kinh doanh	44.794.821.810	37.387.000.632
Tạm ứng bồi thường	58.220.796.846	10.619.569.191
Ký quỹ ngắn hạn	1.103.769.460	1.469.974.245
Phải thu khác	13.033.469.129	13.359.602.783
	<hr/>	<hr/>
	157.750.134.164	94.534.879.218
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.514.778.661)	(4.584.176.755)
	<hr/>	<hr/>
Tổng phải thu ngắn hạn khác thuần	153.235.355.503	89.950.702.463

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

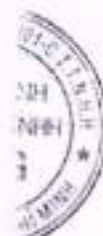
Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	740.421.990	1.068.224.306
	12.740.421.990	13.068.224.306

- (i) Theo Nghị định 73, Tổng Công ty được yêu cầu phải ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại một ngân hàng thương mại được cấp phép tại Việt Nam bằng 2% vốn pháp định. Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, lãi từ tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc có thể được rút ra bất kỳ lúc nào.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 6,50% (31/12/2021: 6,70%).



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2022			31/12/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	310.600.359.714	37.507.491.257	273.092.868.457	246.977.980.002	38.384.820.750	208.593.159.252
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.514.778.661	4.514.778.661	-	4.584.176.755	4.584.176.755	-
	315.115.138.375	42.022.269.918	273.092.868.457	251.562.156.757	42.968.997.505	208.593.159.252

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	42.968.997.505	28.972.634.684
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(973.192.587)	13.994.562.703
Tăng khác	26.465.000	1.800.118
Số dư cuối năm	42.022.269.918	42.968.997.505

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	80.717.843.780	83.353.873.817
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.658.796.382	876.848.733
	<hr/>	<hr/>
	83.376.640.162	84.230.722.550
	<hr/>	<hr/>

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	83.353.873.817	88.434.409.907
Tăng trong năm	163.942.738.676	145.907.299.368
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(166.578.768.713)	(150.987.835.458)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	80.717.843.780	83.353.873.817
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.595.486.992	45.773.120.164
Tăng trong năm	-	-	-	292.236.364	292.236.364
Số dư cuối năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.688.475.907	4.543.362.272	1.004.630.571	5.804.625.425	24.041.094.175
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	999.439.754	173.333.232	342.041.214	2.544.611.612
Số dư cuối năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	16.283.421.858	4.181.075.816	476.666.748	790.861.567	21.732.025.989
Số dư cuối năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	7.293.904.255	1.481.297.319	6.095.885.901	43.842.985.240
Tăng trong năm	-	2.947.283.833	-	499.601.091	3.446.884.924
Thanh lý	-	(1.516.750.000)	-	-	(1.516.750.000)
Số dư cuối năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.595.486.992	45.773.120.164
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.658.678.495	4.899.622.362	831.297.267	5.550.739.023	22.940.337.147
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	844.012.189	173.333.304	253.886.402	2.301.029.307
Thanh lý	-	(1.200.272.279)	-	-	(1.200.272.279)
Số dư cuối năm	12.688.475.907	4.543.362.272	1.004.630.571	5.804.625.425	24.041.094.175
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.313.219.270	2.394.281.893	650.000.052	545.146.878	20.902.648.093
Số dư cuối năm	16.283.421.858	4.181.075.816	476.666.748	790.861.567	21.732.025.989

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 8.189 triệu VND (31/12/2021: 6.129 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

- (*) Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 15(i)).

9. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Tăng trong năm	4.607.516.500	152.000.000	4.759.516.500
<hr/>			
Số dư cuối năm	81.509.726.627	4.676.100.000	86.185.826.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.406.355.409	3.605.940.616	9.012.296.025
Khấu hao trong năm	368.601.318	339.127.053	707.728.371
<hr/>			
Số dư cuối năm	5.774.956.727	3.945.067.669	9.720.024.396
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.495.854.718	918.159.384	72.414.014.102
Số dư cuối năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231
<hr/>			
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.406.355.363	3.212.347.456	8.618.702.819
Khấu hao trong năm	46	393.593.160	393.593.206
<hr/>			
Số dư cuối năm	5.406.355.409	3.605.940.616	9.012.296.025
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.495.854.764	1.311.752.544	72.807.607.308
Số dư cuối năm	71.495.854.718	918.159.384	72.414.014.102
<hr/>			

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 8.607 triệu VND (31/12/2021: 7.850 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

- (*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 15(i)).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	13.228.280.000	3.206.040.000
Tăng trong năm	2.719.590.000	10.022.240.000
Số dư cuối năm	<u>15.947.870.000</u>	<u>13.228.280.000</u>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 1)	10.686.800.000	10.152.460.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 2)	1.535.820.000	1.535.820.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 3)	1.745.250.000	-
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	1.980.000.000	1.540.000.000
	<u>15.947.870.000</u>	<u>13.228.280.000</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	19.092.425.000	754.273.547	515.279.841	1.117.988.246	21.479.966.634
Tăng trong năm	20.664.800.000	1.264.126.049	4.054.236.304	948.477.002	26.931.639.355
Phân bổ trong năm	(20.814.675.000)	(1.045.635.906)	(1.761.360.538)	(1.661.551.544)	(25.283.222.988)
Số dư cuối năm	<u>18.942.550.000</u>	<u>972.763.690</u>	<u>2.808.155.607</u>	<u>404.913.704</u>	<u>23.128.383.001</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	5.220.115.626	6.083.149.955

13. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	280.848.599.822	249.545.869.660
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	23.672.690.643	25.138.975.205
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	25.220.412.102	13.804.264.506
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	15.106.248.518	12.181.736.574
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	1.549.798.244	2.017.372.117
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1.447.592.638	1.114.574.233
	347.845.341.967	303.802.792.295

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/ cán trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.543.178.097	56.361.396.362	(55.972.495.790)	7.932.078.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.072.376.396	21.408.195.119	(7.574.731.649)	14.905.839.866
Thuế thu nhập cá nhân	2.785.838.746	14.963.959.478	(14.837.221.399)	2.912.576.825
Thuế khác	452.382.066	1.917.970.628	(1.955.304.856)	415.047.838
	11.853.775.305	94.651.521.587	(80.339.753.694)	26.165.543.198

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (ii)	60.038.383.798	6.069.087.919
Phải trả khác	17.380.959.791	12.885.492.831
Phải trả cổ tức	10.305.870.732	8.731.932.097
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (i)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phí bảo hiểm nhận được từ khách hàng không xác định	6.567.620.052	6.257.045.709
Phải trả Quỹ Quản lý giám sát bảo hiểm	2.578.555.469	2.096.007.748
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	1.424.048.131	1.447.746.659
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	603.166.028	440.604.112
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	215.824.644	514.567.540
	108.250.792.281	47.578.848.251

- (i) Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).
- (ii) Đây là số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	65.001.201.436	85.216.198.805
Tăng trong năm	148.021.090.034	140.963.781.565
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(154.126.995.599)	(161.178.778.934)
Số dư cuối năm	58.895.295.871	65.001.201.436

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng nghiệp vụ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
▪ <i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>369.508.741.358</i>	<i>145.481.324.379</i>	<i>224.027.416.979</i>
▪ <i>Dự phòng IBNR</i>	<i>48.254.772.059</i>	<i>16.515.722.207</i>	<i>31.739.049.852</i>
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
	1.081.294.385.148	358.279.676.667	723.014.708.481
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557
▪ <i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>291.509.583.102</i>	<i>71.110.673.116</i>	<i>220.398.909.986</i>
▪ <i>Dự phòng IBNR</i>	<i>42.573.451.409</i>	<i>15.248.942.838</i>	<i>27.324.508.571</i>
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950
	976.911.410.055	299.044.001.548	677.867.408.507

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557
Trích lập dự phòng trong năm	83.680.478.906	75.637.430.632	8.043.048.274
Số dư cuối năm	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng trong năm	19.569.135.692	(20.879.399.275)	40.448.534.967
Số dư cuối năm	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	20.702.496.187	(16.401.755.513)	37.104.251.700
Số dư cuối năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.621.097.787)	(28.629.278.780)	(19.991.819.007)
Số dư cuối năm	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950

(b) Dự phòng dao động lớn

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	82.488.725.112	73.380.555.585
Trích lập dự phòng trong năm	10.579.683.288	9.108.169.527
Số dư cuối năm	93.068.408.400	82.488.725.112

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	21.238.002.507	6.781.215.208	78.676.760.179	706.274.723.049
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	82.967.242.850	82.967.242.850
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(56.939.500.826)	(56.939.500.826)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	2.996.550.932	(2.996.550.932)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	4.148.362.142	-	(4.148.362.142)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	25.386.364.649	9.777.766.140	97.559.589.129	732.302.465.073
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	87.844.222.372	87.844.222.372
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(72.179.367.222)	(72.179.367.222)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	3.800.313.255	(3.800.313.255)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	4.392.211.119	-	(4.392.211.119)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	29.778.575.768	13.578.079.395	105.031.919.905	747.967.320.223

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế trong giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, Tổng Công ty đã trích thêm vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 3.800.313.255 VND, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2021 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(b) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản 72.179.367.222 VND cổ tức cho các cổ đông (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 56.939.500.826 VND).

20. Doanh thu phí bảo hiểm

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2022	2021
	VND	VND
Bảo hiểm xe cơ giới	541.101.401.016	498.511.355.416
Bảo hiểm con người	306.717.622.659	283.364.658.615
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	323.273.442.449	263.726.647.921
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	101.423.672.402	89.326.699.027
Bảo hiểm tàu	48.580.125.883	47.342.049.860
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	34.824.870.551	48.785.502.353
Bảo hiểm thuyền viên	4.983.575.629	6.002.481.637
	<hr/>	<hr/>
	1.360.904.710.589	1.237.059.394.829

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2022	2021
	VND	VND
Bảo hiểm xe cơ giới	29.105.966.446	38.587.426.177
Bảo hiểm con người	71.557.168.237	35.091.164.284
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	132.011.430.268	92.259.303.849
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1.414.971.082	918.930.913
Bảo hiểm tàu thuyền	206.213.154	442.859.494
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	13.291.942.199	14.755.967.449
	<hr/>	<hr/>
	247.587.691.386	182.055.652.166

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

21. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	161.981.985.870	123.340.218.626
Bảo hiểm con người	115.277.715.945	133.566.619.615
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	206.859.698.794	173.725.800.869
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.857.478.067	33.524.273.417
Bảo hiểm tàu thuyền	12.708.588.784	15.738.334.414
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	19.376.093.636	27.787.172.762
Bảo hiểm thuyền viên	462.512.147	615.674.543
	550.524.073.243	508.298.094.246

22. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	57.875.285.047	65.903.348.659
Bảo hiểm con người	30.381.217.989	33.737.295.877
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	47.998.902.253	45.754.247.917
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8.294.198.891	7.511.909.678
Bảo hiểm tàu thuyền	1.425.455.173	1.333.999.856
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	8.151.936.246	6.937.976.947
	154.126.995.599	161.178.778.934

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

23. Chi bồi thường

	2022 VND	2021 VND
<i>Chi bồi thường</i>		
▪ Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	477.272.832.962	437.843.356.268
▪ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	85.288.311.433	34.188.972.752
	<hr/> 562.561.144.395	<hr/> 472.032.329.020
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
▪ Thu hồi bên thứ ba bồi hoàn, hàng đã xử lý bồi thường	(2.605.159.682)	(744.515.440)
	<hr/> 559.955.984.713	<hr/> 471.287.813.580
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc		
	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	264.402.324.313	214.857.053.620
Bảo hiểm con người	115.846.889.754	113.927.550.296
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	39.215.023.535	44.367.549.098
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	29.224.484.004	12.823.045.547
Bảo hiểm tàu thuyền	26.461.762.297	43.162.122.511
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.372.115.059	8.177.596.196
Bảo hiểm thuyền viên	750.234.000	528.439.000
	<hr/> 477.272.832.962	<hr/> 437.843.356.268
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		
	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	31.679.402.318	4.544.072.082
Bảo hiểm con người	21.250.949.665	1.023.470.812
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	30.669.831.712	23.698.611.173
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	74.007.418	201.420.502
Bảo hiểm tàu thuyền	1.134.590.210	1.592.742.727
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	479.530.110	3.128.655.456
	<hr/> 85.288.311.433	<hr/> 34.188.972.752
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

24. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	2022 VND	2021 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	68.365.576.695	75.465.192.072
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	28.707.343.575	2.098.634.386
Bảo hiểm con người	84.279.647.872	66.396.822.675
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12.618.631.688	3.784.303.311
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.349.780.467	6.723.757.972
Bảo hiểm tàu thuyền	7.300.495.504	27.478.989.354
	<hr/>	<hr/>
	202.621.475.801	181.947.699.770
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2022 VND	2021 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 7)	166.578.768.713	150.987.835.458
	<hr/>	<hr/>
<i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>		
Chi phí phát triển kinh doanh	180.820.906.378	140.053.772.885
Chi phí nhân viên	71.622.032.645	73.509.235.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.427.252.713	54.840.034.571
Chi phí giám định tổn thất	13.315.468.207	14.181.972.996
Công cụ, dụng cụ	5.499.514.373	6.944.329.449
Chi phí khác	36.183.255.170	22.713.682.494
	<hr/>	<hr/>
	397.868.429.486	312.243.027.609
	<hr/>	<hr/>
	564.447.198.199	463.230.863.067
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	73.998.793.356	74.654.328.542
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	61.063.030.515	15.313.401.826
Lãi từ đầu tư trái phiếu	11.067.661.540	10.749.438.066
Cổ tức được chia	1.054.060.000	1.094.900.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	3.335.704.918	1.844.162.401
	<hr/> 150.519.250.329	<hr/> 103.656.230.835

27. Chi phí hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.338.869.280	5.718.704.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.498.779.146	1.242.779.690
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a))	8.405.502.318	29.145.360
Chi phí tài chính khác	66.000	-
	<hr/> 14.243.216.744	<hr/> 6.990.629.125

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	187.168.057.075	202.155.415.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.049.052.381	52.364.204.666
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(973.192.587)	13.994.562.703
Công cụ và dụng cụ	6.152.008.157	7.069.920.413
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	7.067.676.916	4.084.055.496
Chi phí khấu hao	3.252.339.983	2.694.622.467
Thuế và phí	123.216.972	87.098.700
	<hr/> 262.839.158.897	<hr/> 282.449.879.617

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện hành	21.408.195.119	10.574.731.649
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	863.034.329	11.077.270.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.271.229.448	21.652.002.400

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.115.451.820	104.619.245.250
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	22.023.090.364	20.923.849.050
Chi phí không được khấu trừ thuế	458.951.084	947.133.350
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(210.812.000)	(218.980.000)
	22.271.229.448	21.652.002.400

(*) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20% (2021: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 84.043.909.117 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 79.970.691.918 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 59.999.474 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 59.999.474 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	87.844.222.372	82.967.242.850
Phân bổ vào quỹ khác (*)	(3.800.313.255)	(2.996.550.932)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	84.043.909.117	79.970.691.918

(*) Phân bổ vào quỹ khác để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2021 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	59.999.474	59.999.474

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND/cổ phiếu	2021 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.401	1.333

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, trái phiếu, tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	641.353.103.059	673.762.832.109
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	730.705.156.044	545.776.588.016
Trái phiếu – ngắn hạn	(ii)	25.000.000.000	120.068.399.900
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	310.600.359.714	246.977.980.002
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iii)	40.597.276.919	31.698.732.367
Ký quỹ ngắn hạn	(iii)	1.103.769.460	1.469.974.245
Phải thu khác	(iii)	57.828.290.939	50.746.603.415
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iii)	740.421.990	1.068.224.306
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	6.000.000.000	24.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	(ii)	41.503.000.000	11.503.000.000
Tài sản dài hạn khác	(iii)	8.023.354.842	5.456.484.113
		<u>1.875.454.732.967</u>	<u>1.724.528.818.473</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không bị tổn thất tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	32.121.842.829	27.635.623.436
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.871.429.947	3.512.218.755
Quá hạn trên 180 ngày	13.534.262.624	153.166.337
	<hr/>	<hr/>
	50.527.535.400	31.301.008.528

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	347.845.341.967	347.845.341.967	347.845.341.967
Phải trả cổ tức	10.305.870.732	10.305.870.732	10.305.870.732
Chi phí phải trả	34.021.717.599	34.021.717.599	34.021.717.599
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.778.505.932	20.778.505.932	20.778.505.932
	412.951.436.230	412.951.436.230	412.951.436.230
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	303.802.792.295	303.802.792.295	303.802.792.295
Phải trả cổ tức	8.731.932.097	8.731.932.097	8.731.932.097
Chi phí phải trả	46.099.598.805	46.099.598.805	46.099.598.805
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.936.672.231	15.936.672.231	15.936.672.231
	374.570.995.428	374.570.995.428	374.570.995.428

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	641.353.103.059	673.762.832.109
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	730.705.156.044	545.776.588.016
Trái phiếu – ngắn hạn	25.000.000.000	135.068.399.900
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	6.000.000.000	24.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	41.503.000.000	11.503.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu niêm yết	28.099.415.714	28.099.415.714	58.131.736.525	58.131.736.525
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu chưa niêm yết	19.961.996.000	(*)	19.961.996.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	730.705.156.044	(*)	545.776.588.016	(*)
▪ Trái phiếu – ngắn hạn	25.000.000.000	(*)	135.068.399.900	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	6.000.000.000	(*)	24.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu – dài hạn	41.503.000.000	(*)	11.503.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền các khoản tương đương tiền	643.386.774.379	643.386.774.379	676.700.501.854	676.700.501.854
▪ Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	310.600.359.714	(*)	246.977.980.002	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	40.597.276.919	(*)	31.698.732.367	(*)
▪ Ký quỹ ngắn hạn	1.103.769.460	(*)	1.469.974.245	(*)
▪ Phải thu khác	57.828.290.939	(*)	50.746.603.415	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	740.421.990	(*)	1.068.224.306	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	8.023.354.842	(*)	5.456.484.113	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	347.845.341.967	(*)	303.802.792.295	(*)
▪ Phải trả cổ tức	10.305.870.732	(*)	8.731.932.097	(*)
▪ Chi phí phải trả	34.021.717.599	(*)	46.099.598.805	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.778.505.932	(*)	15.936.672.231	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giá định, thay đổi giá định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giá định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giá định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giá định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giá định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Thông tư 50.

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	496.213.564.293	264.492.082.183	188%
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	498.591.137.891	227.704.238.187	219%

33. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Trong vòng một năm	10.447.731.840	11.626.717.434
Trong vòng hai đến năm năm	14.701.243.572	18.420.686.373
	25.148.975.412	30.047.403.807

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		31/12/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.026.871	47.537.942.662	1.646.284	37.390.035.333

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	178.165.429.546	352.674.029.069
Tiền gửi có kỳ hạn	874.340.393.249	562.096.450.421
Dự thu lãi tiền gửi	33.575.869.267	18.556.619.616
<i>Công ty liên quan khác</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	7.778.431.582	3.503.310.905
Tiền gửi có kỳ hạn	33.000.000.000	39.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	1.323.611.343	970.662.377
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thủ lao	94.200.000	118.200.000
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	705.036.412	1.572.127.500

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

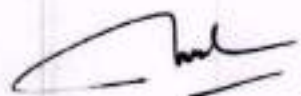
Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	21.747.902.491.730	24.403.454.922.435
Rút tiền gửi có kỳ hạn	21.435.658.548.902	24.448.117.290.171
Thu nhập từ lãi tiền gửi	58.669.740.206	54.114.283.209
Phí dịch vụ ngân hàng	10.800.967.112	949.234.649
Cổ tức thông báo	59.046.057.426	46.579.142.558
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	39.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	43.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	2.411.638.778	3.022.088.562
Phí dịch vụ ngân hàng	826.373.201	21.119.182
Cổ tức thông báo	4.696.092.153	3.704.564.799
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.668.615.600	2.668.615.600
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	144.000.000	651.140.000
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	6.723.064.682	6.439.178.500

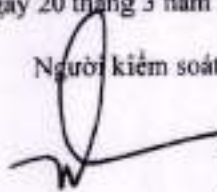
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh
Kế toán

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc



Số: 24/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ban hành ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
1	Lợi nhuận trước thuế	110.115.451.820	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	22.271.229.448	
3	Lợi nhuận sau thuế	87.844.222.372	= (1) – (2)
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	4.392.211.119	= (3) * 5%
5	Lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	83.452.011.253	= (3) – (4)
6	Thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	4.172.600.563	Tương ứng 5% lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ Chi tiết việc thực hiện theo Tờ trình số 07/2019/TT-HĐQT ngày 18/03/2019)
7	Lợi nhuận giữ lại	79.279.410.690	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CÓ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG
T.P. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thành Long

C.T.C.P
IG TY
ẤN
ÉM
ING
CHI MINH

Số: 25/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn thời điểm thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG (“Bảo Long”)

Căn cứ:

- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ban hành ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 29/03/2019;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 04/04/2017;
- Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Bảo Long, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP) đến hết năm 2022, với nội dung: tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế giai đoạn 2016 – 2022, và để khuyến khích, tạo động lực cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ được giao, có sự đóng góp tích cực vào sự phát triển của Tổng Công ty, Bảo Long sẽ thưởng cổ phiếu ESOP với tỷ lệ 5 - 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện Chương trình ESOP.



Đến nay, tổng nguồn thực hiện trích trong giai đoạn năm 2016 – 2022 là 17.750.679.958 đồng và thời gian chính thức thực hiện Chương trình ESOP như trên là sau khi kết thúc năm tài chính 2022.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sau khi Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, hệ thống các văn bản hướng dẫn liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm vẫn còn đang tiếp tục được hoàn thiện.

Theo đó, việc thực hiện Chương trình ESOP như đã nêu trên trong năm 2023 có thể bị kéo dài, gây tổn kém thời gian và nguồn lực. Vậy nên, Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương thực hiện Chương trình ESOP vào thời điểm khác thuận lợi và phù hợp hơn khi hệ thống các văn bản hướng dẫn cụ thể đã được hoàn thiện.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.



Nguyễn Thành Long

Số: 34/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v Phê duyệt định hướng chiến lược giai đoạn 2023 - 2027****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long giai đoạn 2018-2022 và dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt định hướng chiến lược giai đoạn 2023 – 2027 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long), cụ thể như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện 2018 – 2022

Giai đoạn 2018-2022, Bảo Long mức tăng trưởng bình quân là 8,0%. Kết quả thực hiện chi tiết từng năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Năng lực khai thác					
Quy mô doanh thu (tỷ đồng)	1.092	1.225	1.438	1.419	1.608
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu(%)	14,9	12,2	17,4	-1,3	13,3
Thị phần (%)	2,2	2,2	2,4	2,3	2,1
Thứ hạng thị phần	13	13	14	13	13
Hiệu quả hoạt động					
Tỷ lệ Bồi thường (%)	42,2	40,5	39,0	34,4	41,0
Tỷ lệ chi phí quản lý (%)	7,6	7,8	6,4	7,4	7,0
Năng suất LDBQ (tỷ đồng/người)	1,12	1,27	1,50	1,46	1,64
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	38,69	42,28	66,59	82,97	87,84
ROE (%)	6,0	6,3	9,6	11,5	11,9
Biên khả năng thanh toán (%)	292	286	213	219	188

Tích cực

- Duy trì mức tăng trưởng dương cho toàn danh mục (ngoại trừ năm 2021 do ảnh hưởng của dịch covid);
- Các chỉ số hiệu quả đều được cải thiện (tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ chi phí quản lý) dẫn đến hiệu quả hoạt động tổng thể được cải thiện, thể hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận sau



nb

thuế (tăng từ 38,69 tỷ đồng năm 2018 lên 88,17 tỷ đồng năm 2022 và ROE (tăng từ 6,0% năm 2018 lên 11,9% năm 2022);

- Tạo được môi trường làm việc ổn định, văn hóa minh bạch về tài chính và vận hành;
- Khẳng định được sự bền vững và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp trong điều kiện khó khăn, khủng hoảng.

Tồn đọng và thách thức

- Các kênh phân phối phi truyền thống đã được thiết lập nhưng chưa phát huy được kết quả cao để làm động lực tăng trưởng cho toàn hệ thống;
- Chưa nâng cao được năng lực về vốn, từ đó không cải thiện được năng lực cạnh tranh trong việc phát triển doanh thu của nhóm sản phẩm doanh nghiệp - "commercial lines";
- Năng suất lao động chưa được cải thiện, là nút thắt trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Môi trường làm việc không đủ áp lực để tạo sự thay đổi đột phá.

2. Chiến lược phát triển giai đoạn 2023-2027

2.1. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường Bảo hiểm

Tình hình kinh tế thế giới đang trong giai đoạn lạm phát và suy thoái do ảnh hưởng của đại dịch và chiến tranh. Bên cạnh đó, địa chính trị trên toàn cầu diễn ra phức tạp, mối quan hệ giữa các cường quốc trong trạng thái căng thẳng tác động xấu đến thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam chưa hoàn toàn phục hồi sau đại dịch, thị trường vốn bị ngưng trệ, bất động sản đang trong giai đoạn đi xuống, xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng tiêu cực của thương mại toàn cầu.

Về thị trường bảo hiểm, thị trường bảo hiểm Việt Nam đứng trước nhiều thách thức: sự biến động về nhân sự cấp cao, chi phí tái bảo hiểm tăng do rủi ro toàn cầu gia tăng, tỷ lệ bồi thường tăng do lạm phát và rủi ro gia tăng.

Ngoài ra, một số xu thế của thị trường bảo hiểm Việt Nam trong thời gian tới có thể kể đến: hệ thống pháp lý thay đổi theo hướng tăng sự chủ động và minh bạch; độ "liên thông" của bảo hiểm và các ngành dịch vụ tài chính ngày càng lớn thông qua các hoạt động M&A và hợp tác chiến lược; trải nghiệm và nhu cầu của khách hàng được cá nhân hóa; số hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh; bùng nổ các nền tảng trung gian phân phối bảo hiểm.

2.2. Trọng tâm chiến lược 2023-2027

Giai đoạn chiến lược 5 năm 2023 - 2027, Bảo Long đặt ra ba ưu tiên chiến lược bao gồm:



- (1) Công nghệ hóa: Tận dụng và chọn lọc các xu hướng công nghệ mới để tạo sự thay đổi bút phá về vị thế trên thị trường, hiệu quả hoạt động và uy tín thương hiệu đối với khách hàng;
- (2) Năng lực hoạt động: Đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh bền vững và hiệu quả, có khả năng chống chịu với môi trường kinh doanh biến động và rủi ro cao;
- (3) Văn hóa và thương hiệu: Tập trung vào vấn đề văn hóa, lấy con người làm trọng tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, từ đó xây dựng hình ảnh "mỗi cá nhân là một đại sứ thương hiệu", mỗi trải nghiệm với khách hàng đều là một câu chuyện truyền thông.

Cùng với ba ưu tiên chiến lược là năm nhóm giải pháp được triển khai để đạt được mục tiêu trên bao gồm: (1) Hiệu suất, (2) Chuyên môn, (3) Cải tiến sáng tạo, (4) KPI, (5) Gắn kết.

2.3. Chỉ tiêu hoạt động 2023-2027

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026	2027
Năng lực khai thác					
Quy mô doanh thu (tỷ đồng)	1.610	1.780	2.000	2.200	2.400
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu (%)	0	6	12	10	9
Thị phần(%)	2,35	2,35	2,40	2,40	2,40
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	600	700	700	800	1.000
Hiệu quả hoạt động					
Tỷ lệ Bồi thường tối đa (%)	45	45	45	45	45
Tỷ lệ chi phí quản lý	8,27	8,20	7,80	7,40	7,20
Năng suất LDBQ (tỷ đồng/người)	1,70	1,80	2,00	2,20	2,50
ROE tối thiểu (%)	7	7	7	7	7
Biên khả năng thanh toán tối thiểu (%)	130	130	130	130	130

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thành Long

Số: 35/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v Kế hoạch kinh doanh năm 2023****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) năm 2022 và dự báo xu hướng phát triển của Ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông duyệt thuận thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Giai đoạn chiến lược 5 năm 2023 - 2027 Bảo Long đặt ra ba ưu tiên chiến lược bao gồm: (1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và Thương hiệu. Cùng với ba ưu tiên chiến lược là năm nhóm giải pháp được triển khai để đạt được mục tiêu trên bao gồm: 1) Hiệu suất, (2) Chuyên môn, (3) Cải tiến sáng tạo, (4) KPI, (5) Gắn kết.

Theo đó, năm 2023 là năm bản lề để triển khai các giải pháp kinh doanh theo các ưu tiên này. Tùy từng nhóm giải pháp, kế hoạch hành động sẽ được triển khai một cách linh hoạt, đảm bảo sự thích ứng của hệ thống, phù hợp với diễn biến của thị trường.

Mục tiêu của năm 2023

- Đảm bảo Chiến lược 5 năm và Kế hoạch hành động năm 2023 sẽ được truyền thông trên toàn hệ thống, tạo động lực và sự gắn kết trong đội ngũ, làm nền tảng triển khai các bước tiếp theo;
- Rà soát và đánh giá hiện trạng, bước đầu đưa ra các mục tiêu hành động cho từng nhóm giải pháp cụ thể.

II. GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2023

Năm 2023, Bảo Long triển khai 5 nhóm giải pháp trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm 2023 - 2027.

Hiệu suất	
(1)	Tập trung vào các dự án Bảo hiểm số
(2)	Hoàn thiện Hệ thống Megamind
(3)	Xây dựng Website bán hàng "front-end" cho đội ngũ đại lý
(4)	Cải tiến quy trình kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của hệ thống Công nghệ thông tin (ấn chỉ online, cấp đơn online, chữ ký điện tử, phê duyệt và luân chuyển nghiệp vụ trên hệ thống, quản lý phân cấp trên hệ thống ...)
(5)	Rà soát lại mô hình vận hành tại các đơn vị thành viên và chức năng quản lý ngành dọc
(6)	Chú trọng tuyển dụng các đội ngũ kinh doanh có quy mô lớn
Chuyên môn	
(1)	Luân chuyển cán bộ quản lý giữa TSC và đơn vị: đối tượng quản lý nghiệp vụ
(2)	Triển khai đào tạo Đội ngũ Phó giám đốc và trưởng bộ phận
(3)	Triển khai đào tạo "Kỹ năng đào tạo" cho nhân sự quản lý nghiệp vụ
Cải tiến sáng tạo	
(1)	Triển khai mô hình kinh doanh mới: Trung tâm kinh doanh
(2)	Ban hành chính sách thu hút/ tuyển dụng HR chất lượng cao để phát huy network của toàn hệ thống trong công tác tuyển dụng
(3)	Kiểm toán HR
(4)	Định hướng truyền thông từ "bên ngoài" hướng vào "nội bộ"
KPI	
(1)	Xây dựng và áp đặt tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh

(2)	Thiết lập và áp đặt mô hình vận hành, quy mô tối thiểu, định biên năng suất cho các Đơn vị kinh doanh
Gắn kết	
(1)	Mở rộng đối tượng được trả lương từ nguồn lương TCT (phó giám đốc, nhân sự chất lượng cao...) kèm theo KPI hoạt động
(2)	Từng bước tăng phúc lợi cho người lao động
(3)	Tăng cường các hoạt động liên kết (team building, du lịch khám phá, mini games, hội thao...);
(4)	Truyền thông nội bộ về văn hóa ứng xử, sứ mệnh, mục tiêu...

III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2023 được trình bày trong bảng dưới đây:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	TH 2022 triệu đồng	KH 2023 triệu đồng	% tăng trường
Doanh thu phí BH	1.587.790	1.609.378	
- Phí BH	1.608.492	1.610.000	0%
- Tăng (giảm) dự phòng phí	(20.702)	(622)	
Phí nhượng tái	(566.926)	(447.936)	
- Phí nhượng tái	(550.524)	(426.325)	
-Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái	(16.402)	(21.611)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	156.575	114.307	
Doanh thu thuần hoạt động BH gốc	1.177.439	1.275.749	8%
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(656.867)	(593.860)	
Thu bồi thường nhượng tái	278.259	208.539	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(10.580)	(11.836)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(551.217)	(619.726)	
- Chi hoa hồng	(166.579)	(166.735)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(384.638)	(452.991)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(940.405)	(1.016.883)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	237.034	258.866	9%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	136.276	103.900	-24%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(262.839)	(263.086)	0
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	110.471	99.680	-10%
Lợi nhuận khác	(356)	0	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.115	99.680	-9%

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	% tăng trưởng
	VNDm	VNDm	
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	816.083	849.714	4,1%
Vốn chủ sở hữu	747.967	827.711	10,7%
Danh mục đầu tư	1.244.258	1.390.000	11,7%
Tổng tài sản	2.522.621	2.602.365	3,2%

3.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm

Năm 2023, kế hoạch tổng doanh thu phí bảo hiểm của toàn hệ thống ước đạt 1.610 tỷ đồng, tương đương năm 2022.

Chi phí trích lập dự phòng phí

Với doanh thu năm 2023 không tăng tương, chi phí trích lập dự phòng phí (DPP) bảo hiểm năm 2023 dự kiến là 22.233 triệu đồng.

Chi phí bồi thường (bao gồm trích lập dự phòng bồi thường)

Dự kiến chi phí bồi thường bao gồm các hồ sơ ước bồi thường trong năm 2023 khoảng 593.860 triệu đồng, tương đương với 36,9% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí tái bảo hiểm

Với kế hoạch doanh thu, bồi thường như trên thì chi phí tái ước tính là 103.479 triệu đồng, chiếm 6,4% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKDBH tại đơn vị kinh doanh

Chi phí hoa hồng bảo hiểm:

Hoa hồng bảo hiểm được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định của BTC.

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí lương, chi phí bán hàng & phát triển kinh doanh thuộc định mức khoán cho các đơn vị kinh doanh trực tiếp được quy định trong Cơ chế tài chính áp dụng cho các đơn vị thành viên.

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Bao gồm chi phí trích lập dự phòng dao động lớn và chi phí dự phòng phải thu khó đòi, ước tính không có biến động lớn về tỷ lệ/doanh thu phí bảo hiểm trong năm 2023.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Từ số liệu kế hoạch của các khoản mục doanh thu chi phí như trình bày ở trên, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (chưa bao gồm phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp) theo kế hoạch sẽ là 258.866 triệu đồng.

3.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng nguồn vốn đầu tư khả dụng bình quân	1.390.000 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận bình quân kỳ vọng	7,5 %/ năm
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	103.900 triệu đồng

Năm 2023, lợi nhuận hoạt động đầu tư dự kiến là 103,9 tỷ đồng, chủ yếu lợi nhuận mang lại là từ nguồn tiền gửi ngân hàng.

3.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến năm 2023 phát sinh là 263.086 triệu đồng, tương đương so với năm 2022.

3.4. Lợi nhuận trước thuế

Năm 2023, lợi nhuận kế toán trước thuế của Bảo Long ước đạt 99.680 triệu đồng.

3.5. Quy mô tài sản và nguồn vốn

Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2023 ước là 849.714 triệu đồng, tăng 4,1% so với quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2022.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2023, vốn chủ sở hữu của Bảo Long ước đạt 827.711 triệu đồng.

Danh mục đầu tư

Trên cơ sở tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ và vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2023, danh mục đầu tư sẽ tăng 11,7%, lên mức 1.390.000 triệu đồng.

Tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2023 ước tính là 2.602.365 triệu đồng, tăng 3,2% so với năm 2022.

IV. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023, Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình và đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- ĐHĐCĐ "để thông qua";
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Nguyễn Thành Long



Số: 32/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị
và Ban Kiểm soát năm 2023****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2023,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt kế hoạch thù lao năm 2023 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau

1. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, kết quả kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo số liệu thực tế đã chi trong năm tài chính 2022 như sau:

Quý thù lao được duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	4.392.211.119 đồng
Quý thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi theo thực tế.	2.812.615.600 đồng

2. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023

Với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch năm 2023, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả như sau:

2.1. Nguyên tắc xác định mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả theo nguyên tắc:

- Mức thù lao tháng của thành viên chuyên trách tương ứng với lương bình quân 12 tháng năm 2022 của các chức danh quản lý từ cấp Giám đốc Vùng/ Giám đốc Trung tâm trở lên thuộc Trụ sở chính Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long cộng trừ tối đa 35%,
- Mức thù lao tháng của thành viên không chuyên trách tối đa bằng 20% thù lao




bình quân tháng của thành viên chuyên trách,

- (iii) Hội đồng Quản trị quyết định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
- (iv) Việc quyết toán số tiền thù lao trong năm 2023 được xác định dựa trên số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, thời gian làm việc thực tế trong năm 2023 và mức thù lao theo nguyên tắc nêu trên.

2.2. Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị:

- (i) Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị năm 2023 là phần chênh lệch giữa Quỹ thù lao kế hoạch (5% lợi nhuận trước thuế năm 2023) và Quỹ thù lao thực tế được chi theo Mục 2.1.
- (ii) Hệ số phân phối quỹ thưởng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định.
- (iii) Điều kiện thưởng: Bảo Long hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt. 

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

NGUYỄN THÀNH LONG



Số: 28 /2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi Điều lệ

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười hai) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 25/03/2023,

Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sửa đổi lần thứ mười hai) hiện hành được ban hành trên cơ sở quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật này đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023. Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được ban hành thay thế với nhiều điểm mới, sửa đổi, bổ sung một số quy định so với Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10.

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Hội đồng Quản trị rà soát và dự thảo Điều lệ Tổng Công ty sửa đổi lần thứ mười ba (đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH LONG

**ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ BẢO LONG (ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI LẦN THỨ 12)
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022 CÓ HIỆU LỰC KÉ TỪ NGÀY 01/01/2023**

Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 1 Điểm h Khoản 1</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h. "Người quản lý Bảo Long" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và <u>cán bộ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Bảo Long theo quy định tại Điều lệ.</u></p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h. "Người quản lý Bảo Long" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi định nghĩa "Người quản lý Bảo Long" để thuận tiện trong việc xác định các chức danh là Người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 ("Luật KDBH 2022").</p> <p>Diễn giải: Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: <i>"Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty."</i></p> <p>Khoản 1 Điều 80 Luật KDBH 2022 quy định: "Điều 80. Người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam 1. Người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm,</p>

			<p>doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm các chức danh sau đây:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên;</p> <p>b) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật;</p> <p>c) Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, các trưởng bộ phận nghiệp vụ và các chức danh tương đương theo quy định tại <u>Điều lệ công ty.</u>"</p> <p>Quy định của Điều lệ hiện hành về người quản lý là không rõ ràng vì Điều lệ không có quy định nào khác về "<u>cán bộ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Bảo Long</u>".</p> <p>Do đó, đề xuất nêu rõ Người quản lý của Bảo Long gồm những ai để thuận tiện trong việc xác định các chức danh là Người quản lý theo quy định của Luật KDBH 2022.</p>
Điều 32 Điểm b Khoản 1	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Thay thế cụm từ "<i>người quản trị, điều hành</i>" thành cụm từ "<i>người quản lý</i>" để phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật KDBH 2022.</p> <p>Diễn giải:</p> <p>Cụm từ "<i>người quản trị, điều hành</i>" được sử dụng tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP (hướng dẫn thi hành</p>

	<p>...</p> <p>b. Đáp ứng tiêu chuẩn chung về <u>người quản trị, điều hành</u> và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;</p>	<p>...</p> <p>b. Đáp ứng tiêu chuẩn chung về <u>người quản lý</u> và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;</p>	<p>Luật KDBH năm 2000). Theo đó, thành viên Hội đồng quản trị là "người quản trị, điều hành" (điểm a khoản 1 Điều 25) và phải đáp ứng các "tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành" được quy định tại Điều 26 Nghị định 73/2016/NĐ-CP.</p> <p>Theo quy định của Luật KDBH 2022, thành viên Hội đồng quản trị là "người quản lý" (điểm a khoản 1 Điều 80) và phải đáp ứng tiêu chuẩn chung về "người quản lý" theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật KDBH 2022. Cụ thể:</p> <p>"Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:</p> <p>a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội</p>
--	--	--	---

			<p><i>đồng thành viên:</i></p> <p>a) <u>Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;...</u></p>
<p>Điều 32 Điểm d khoản 1</p>	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc <u>môi giới bảo hiểm</u>).</p>	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, <u>bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam</u>.</p>	<p>Bỏ cụm từ "<u>bảo hiểm nhân thọ</u>" do Bảo Long không hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, nếu giữ nguyên có thể dẫn đến tranh cãi việc thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ.</p> <p>Bỏ cụm từ "<u>môi giới bảo hiểm</u>" và bổ sung cụm từ "<u>bảo hiểm sức khỏe</u>" tại điểm d khoản 1 Điều 32 để phù hợp để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật KDBH 2022.</p> <p><u>Diễn giải:</u></p> <p>Theo Luật KDBH 2022, các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bao gồm: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và tái bảo hiểm (bỏ "<u>môi giới bảo hiểm</u>").</p> <p>Cụ thể, khoản 1 Điều 82 Luật KDBH 2022 quy định:</p> <p>"Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</p>

			<p><i>không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam."</i></p>
<p>Điều 36 Khoản 1</p>	<p>Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bảo Long.</p>	<p>Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bảo Long <u>và không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.</u></p>	<p>Bổ sung nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật KDBH 2022.</p> <p>Cụ thể, khoản 1 Điều 82 Luật KDBH 2022 quy định:</p> <p>"Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam."</u></p>
<p>Điều 41 khoản 2</p>	<p>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>...</p>	<p>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>...</p>	<p>Thay thế cụm từ "người quản trị, điều hành" bằng cụm từ "người kiểm soát" tại khoản 2 Điều 41 để phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 81 Luật KDBH 2022.</p>

	<p>2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về <u>người quản trị, điều hành</u> doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;</p>	<p>2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về <u>người kiểm soát</u> doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;</p>	<p><u>Diễn giải:</u></p> <p>Cụm từ "<i>người quản trị, điều hành</i>" được sử dụng tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP (hướng dẫn thi hành Luật KDBH năm 2000). Cụ thể, theo quy định tại Điều 27 Nghị định 73/2016/NĐ-CP, Kiểm soát viên phải đáp ứng các "<i>tiêu chuẩn chung của người quản trị, điều hành</i>" được quy định tại Điều 26.</p> <p>Còn theo quy định của Luật KDBH 2022, kiểm soát viên là "người kiểm soát" (điểm a khoản 3 Điều 80) và phải đáp ứng tiêu chuẩn chung về "<i>người kiểm soát</i>" theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật KDBH 2022. Cụ thể:</p> <p>"Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, <u>người kiểm soát</u> của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:</p> <p>a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.</p>
--	---	---	--

			<p>...</p> <p>5. Người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam <u>phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này</u> và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ."</p>
--	--	--	---

MỤC LỤC

Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
I. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO LONG	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty thành viên, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Bảo Long.....	6
II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA BẢO LONG	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động, Lĩnh vực kinh doanh và Phạm vi kinh doanh của Bảo Long	6
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 5. Cổ phiếu	7
Điều 6. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 8. Phát hành trái phiếu.....	9
Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	10
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Long.....	10
Điều 11. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	11
Điều 12. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức.....	11
Điều 13. Thu hồi cổ phần.....	11
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	12
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	12
Điều 15. Cơ cấu tổ chức.....	12
Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long	13
V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 17. Quyền của cổ đông.....	14
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	16
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thay đổi các quyền đặc biệt của cổ đông.....	20
Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 28. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 31. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Bảo Long và người có liên quan.....	29
VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 33. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần thành viên Hội đồng Quản trị	31
Điều 34. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị.....	31
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	35
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	36
Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	38
Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	39
VII. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 40. Ban Kiểm soát.....	39
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	39
Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát.....	40
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	40
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	41
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát	42
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	42
Điều 46. Tổng Giám đốc	42
Điều 47. Thư ký Công ty	43
IX. LỢI ÍCH, NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	44
Điều 48. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý	44
Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan.....	45
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	46
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ BẢO LONG	47
Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	47
Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	48
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn	48
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 55. Phân phối lợi nhuận.....	49
Điều 56. Trả cổ tức	49

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	51
Điều 57. Tài khoản ngân hàng	51
Điều 58. Năm tài chính	51
Điều 59. Chế độ kế toán	51
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	51
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	51
Điều 61. Báo cáo thường niên	52
XVI. KIỂM TOÁN BẢO LONG	52
Điều 62. Kiểm toán	52
XVII. CON DẤU	52
Điều 63. Con dấu	52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	52
Điều 64. Chấm dứt hoạt động	52
Điều 65. Gia hạn hoạt động	53
Điều 66. Thanh lý	53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ	54
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	54
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	54
Điều 69. Ngày hiệu lực	54

Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sửa đổi lần thứ 13) được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 26/04/2023.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Bảo Long" là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
 - b. "Điều lệ" là Điều lệ của Bảo Long.
 - c. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 4 Điều lệ này.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày 11/7/1995, đây là ngày Bảo Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - e. "Người nội bộ" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.
 - f. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Bảo Long trong các trường hợp sau đây:
 - i. Bảo Long và người nội bộ của Bảo Long;
 - ii. Bảo Long và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Bảo Long;
 - iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Bảo Long trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Bảo Long hoặc cùng với Bảo Long chịu chung một sự kiểm soát;
 - iv. Quan hệ hợp đồng mà Bảo Long và/hoặc người đại diện cho Bảo Long đồng thời cũng là người đại diện cho bên kia;
 - v. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - vi. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - vii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - viii. Người quản lý Bảo Long, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - ix. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Bảo Long, người đại diện theo

- pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- x. Cá nhân là người đại diện theo uỷ quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm vi, vii, viii khoản này;
- xi. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm vi, vii, viii, ix, x khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Bảo Long.
- g. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- h. "Người quản lý Bảo Long" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- i. "Người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Ban Điều hành được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
- j. "Công ty mẹ, công ty con": Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- k. "Giấy tờ pháp lý của cá nhân" là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- l. "Giấy tờ pháp lý của tổ chức" là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
- m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Bảo Long được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- n. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, và các Luật sửa đổi bổ sung của Luật Doanh nghiệp này (nếu có).
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

I. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CÔNG TY THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO LONG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, công ty thành viên, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Bảo Long

1. Tên:

- Tên tiếng Việt : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên tiếng Anh : **BAO LONG INSURANCE CORPORATION**
- Tên giao dịch tiếng Việt: **BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **BAO LONG INSURANCE**
- Tên viết tắt : **BẢO LONG**

2. Bảo Long là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Bảo Long là:

- Địa chỉ trụ sở chính : 185 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84)28.3823.9219 Fax: (84)28.3822.8967
- E-mail : info@baohiembraolong.vn
- Website : www.baolonginsurance.com.vn

4. Bảo Long có thể thành lập công ty thành viên/chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Bảo Long theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị và theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của Bảo Long là 99 năm kể từ ngày thành lập, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 64 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này.

II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh và phạm vi kinh doanh của Bảo Long

1. Mục tiêu hoạt động của Bảo Long:

Xây dựng và phát triển Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong thị trường bảo hiểm Việt Nam về tính chuyên nghiệp, hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững, với các mục tiêu cụ thể sau:

- a. Phát triển bền vững và hiệu quả.
- b. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.
- c. Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- d. Đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- e. Góp phần cho lợi ích xã hội và có trách nhiệm với xã hội.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Bảo Long:

- a. Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ;
- b. Kinh doanh tái bảo hiểm;
- c. Giám định tổn thất;
- d. Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;
- e. Quản lý quỹ và đầu tư vốn;
- f. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh của Bảo Long:

Bảo Long được tiến hành các hoạt động kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Bảo Long tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Bảo Long được chia thành 60.000.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
2. Bảo Long có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo yêu cầu kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận (nếu pháp luật có quy định).
3. Các loại cổ phần:

Các cổ phần của Bảo Long vào ngày thông qua Điều lệ này là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.

Bảo Long có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông của Bảo Long quyết định về phương án phát hành đối với mỗi đợt phát hành và hình thức chào bán của mỗi đợt phát hành.

4. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 5. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Bảo Long được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Trường hợp Bảo Long niêm yết trên thị trường chứng khoán thì việc xác nhận cổ phiếu thực hiện theo quy định đối với công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Bảo Long phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Bảo Long. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Bảo Long, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Bảo Long chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 6. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Bảo Long được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
2. Bảo Long có thể phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và quy định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng mà sau đó, một cá nhân nắm giữ 10% vốn điều lệ hoặc một tổ chức nắm giữ từ 10% vốn điều lệ trở lên của Bảo Long; hoặc việc chuyển nhượng mà sau đó, một cá nhân không còn nắm giữ 10% vốn điều lệ hoặc một tổ chức không còn nắm giữ từ 10% vốn điều lệ trở lên của Bảo Long thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện. Cổ đông có trách nhiệm thông báo cho Bảo Long trước khi thỏa thuận việc chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng được các điều kiện về chuyển nhượng cổ phần và phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với đề nghị chuyển nhượng và các hồ sơ có liên quan đến thỏa thuận giữa các bên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trên cơ sở thông

- báo của cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng, hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật và của Bảo Long.
- Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Bảo Long.
 - Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
 - Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Bảo Long cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Bảo Long.
 - Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Bảo Long từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long và/hoặc được cơ quan nhà nước chấp thuận nếu có quy định.

Điều 8. Phát hành trái phiếu

- Bảo Long có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo Long không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
- Thẩm quyền quyết định loại trái phiếu và tổng giá trị phát hành trái phiếu như sau:

Đại hội đồng cổ đông	i. Các loại trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền; ii. Các loại trái phiếu khác có tổng giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long.
Hội đồng Quản trị	Các loại trái phiếu khác (ii) có tổng giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long.

5. Thủ tục và hồ sơ phát hành trái phiếu thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Bảo Long mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Bảo Long mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Bảo Long trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Bảo Long phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Bảo Long giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Bảo Long

Bảo Long được quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Bảo Long và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Bảo Long có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại Bảo Long theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của Bảo Long phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Bảo Long, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Bảo Long.
 - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Bảo Long trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản chào bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Bảo Long chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 11. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Bảo Long chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Bảo Long vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Bảo Long phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Bảo Long mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Bảo Long.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Bảo Long giảm hơn 10% thì Bảo Long phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định của pháp luật hoặc trả cổ tức trái với quy định thì các cổ đông phải hoàn trả cho Bảo Long số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Bảo Long thì tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Bảo Long.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay bình quân của thị trường/một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi, hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Bảo Long phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Bảo Long để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Bảo Long không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Bảo Long bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng Quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long

1. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long là cá nhân đại diện cho Bảo Long thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Bảo Long, đại diện cho Bảo Long với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long là:
 - a. Tổng Giám đốc; hoặc
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, trong trường hợp không có cá nhân đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật và bổ sung vào Điều lệ của Bảo Long.
4. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Bảo Long chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Bảo Long trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Bảo Long trở lại làm việc tại Bảo Long hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị được quyền quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
6. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Bảo Long
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long có trách nhiệm sau đây:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Bảo Long;
 - Trung thành với lợi ích của Bảo Long; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Bảo Long, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Bảo Long về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b. Người đại diện theo pháp luật của Bảo Long chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Bảo Long do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm a khoản 7 Điều này.

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần tại Bảo Long, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi số vốn đã góp vào Bảo Long.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Bảo Long, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Bảo Long giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Bảo Long sau khi Bảo Long đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Bảo Long theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Bảo Long mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

- a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Bảo Long;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Bảo Long; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Bảo Long.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Bảo Long, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ này.
 6. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
 7. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.
 8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Bảo Long dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Bảo Long hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Bảo Long phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Bảo Long trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Tuân thủ Điều lệ Bảo Long và các quy chế của Bảo Long; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thông báo kịp thời khi thay đổi địa chỉ và thông tin đã đăng ký.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Bảo Long dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Bảo Long.
6. Bảo mật các thông tin được Bảo Long cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Bảo Long cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.
2. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Bảo Long và chỉ có hiệu lực đối với Bảo Long kể từ ngày Bảo Long nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm theo quy định của pháp luật quy định.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Bảo Long. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Người quản lý Bảo Long vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 20 Điều lệ này;
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bảo Long.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bảo Long.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Bảo Long hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Bảo Long;

- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Bảo Long, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua định hướng phát triển của Bảo Long;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Bảo Long, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Bảo Long;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Bảo Long;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Bảo Long và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Bảo Long và các cổ đông của Bảo Long;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - n. Bảo Long mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Bảo Long hoặc các công ty thành viên của Bảo Long ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này;

- p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Bảo Long.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thay đổi các quyền đặc biệt của cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 và Điều 26 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Bảo Long không bị thay đổi khi Bảo Long phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội

- đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Bảo Long niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Bảo Long. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Bảo Long. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Bảo Long ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 23 Điều lệ này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối đề xuất nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

- b. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua;
- c. Các trường hợp khác.

Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử khi Quy chế tổ chức Đại hội thông qua.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
5. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 25. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Bảo Long phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Bảo Long cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng kiểm đếm thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa cuộc họp có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
13. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
14. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 13 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long theo Điều 15 của Điều lệ này;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
 - f. Các vấn đề khác do Điều lệ quy định.
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này và khoản 1 Điều 22 của Điều lệ.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử do Đại hội thông qua.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của

Bảo Long, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết định và tài liệu giải trình phải gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Bảo Long phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo cho cổ đông: gửi thư theo địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Bảo Long. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Bảo Long trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Bảo Long.
- 6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
- 7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Bảo Long.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bảo Long, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Bảo Long.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Bảo Long và người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Bảo Long và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Bảo Long ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Bảo Long ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.

- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Bảo Long và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định như trên, người đại diện Bảo Long ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định của khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Bảo Long các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chung về người quản lý và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Bảo Long và không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo Long.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khoẻ hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị và đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 điều này;
 - b. Không phải là người đang làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long; không phải là người đã từng làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Bảo Long, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Bảo Long; là người quản lý của Bảo Long hoặc Công ty con của Bảo Long;
 - e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Bảo Long;
 - f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Bảo Long ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 33. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Bảo Long ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Bảo Long phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
4. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 34. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Bảo Long phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Bảo Long để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các

thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo Long nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Bảo Long và các bên có liên quan của Bảo Long;
 - f. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Bảo Long quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Long. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Thành viên đó bị khởi tố theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đó khi đánh giá quyết định khởi tố có ảnh hưởng đến thương hiệu, hoạt động của Bảo Long hay không.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.
8. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này.
 - c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Bảo Long, có toàn quyền nhân danh Bảo Long để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Long không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Bảo Long và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Bảo Long;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m khoản 2 Điều 21, khoản 1 và khoản 3 Điều 31 của Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối nghiệp vụ, Giám đốc các Đơn vị thành viên, và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Bảo Long;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.

3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Bảo Long quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Bảo Long gây thiệt hại cho Bảo Long thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Bảo Long; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Bảo Long có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bảo Long và không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng

lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Bảo Long; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở Trụ sở chính của Bảo Long hoặc nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Bảo Long.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
11. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp.

12. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
13. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.
14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
15. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ

nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị, người quản lý khác trong Bảo Long cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Long và của các đơn vị trong Bảo Long.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Long.

Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về người kiểm soát doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
3. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo Long;

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Bảo Long và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Bảo Long.;
5. Không được giữ các chức vụ quản lý Bảo Long; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Bảo Long; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Bảo Long;
6. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Bảo Long.

Điều 42. Trường Ban Kiểm soát

1. Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trường Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Bảo Long.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Bảo Long, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Bảo Long.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Bảo Long, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Bảo Long.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Bảo Long để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Bảo Long phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Bảo Long lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Bảo Long trong giờ làm việc.
3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử và bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1,2,3 Điều 34 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Bảo Long;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 46. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc và trình Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng tài chính và thương mại, xét duyệt bồi thường trong nghiệp vụ bảo hiểm, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Bảo Long theo quy định và theo sự phân cấp của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Bảo Long;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Bảo Long, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Bảo Long kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - j. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khác và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo ngay cho Hội đồng Quản trị biết.
6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long, hợp đồng lao động ký với Bảo Long và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Bảo Long thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Bảo Long.

Điều 47. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Bảo Long;

4. Hỗ trợ Bảo Long trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Bảo Long trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Tham dự các cuộc họp và ghi chép biên bản họp;
7. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.

IX. LỢI ÍCH, NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý

1. Bảo Long có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
5. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính

vào chi phí kinh doanh của Bảo Long theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo Long, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Bảo Long thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Bảo Long theo quy định tại Điều lệ này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Bảo Long;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Bảo Long, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Bảo Long trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các Văn phòng đại diện/Chi nhánh của Bảo Long;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d. Bảo Long phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của Bảo Long và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh

doanh của Bảo Long đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Bảo Long.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích của Bảo Long.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Bảo Long vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Bảo Long mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Bảo Long không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Bảo Long hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bảo Long và bên thứ ba về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bảo Long bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Bảo Long là người khởi kiện) nếu người đó đã

hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Bảo Long ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Bảo Long với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Bảo Long với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Bảo Long, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Bảo Long được Bảo Long bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Bảo Long là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Bảo Long có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ BẢO LONG

Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Bảo Long khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Bảo Long hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Bảo Long theo các quy định tại Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Bảo Long, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Bảo Long để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Bảo Long sẽ tính vào chi phí của Bảo Long, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Bảo Long, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Bảo Long vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Bảo Long phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Bảo Long phải được công bố trên website của Bảo Long.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các chính sách và chế độ lao động theo quy chế quản trị nội bộ của Bảo Long.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Bảo Long với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Bảo Long và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Bảo Long không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
2. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Bảo Long phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Bảo Long đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Bảo Long không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Bảo Long chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
4. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Trả cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Bảo Long.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Bảo Long.
3. Cổ tức chi trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Bảo

- Long. Bảo Long chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a. Bảo Long đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Bảo Long vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Bảo Long hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Bảo Long;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Bảo Long.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Bảo Long không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định. Bảo Long phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Bảo Long mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Bảo Long có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Bảo Long tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Bảo Long mở tài khoản.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Bảo Long bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Bảo Long sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Bảo Long lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Bảo Long.
3. Bảo Long sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Bảo Long có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Bảo Long phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Bảo Long phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Bảo Long trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Bảo Long tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Bảo Long phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch

Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu (06) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Bảo Long phải được công bố trên website của Bảo Long.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Bảo Long tại trụ sở chính của Bảo Long và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Bảo Long phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN BẢO LONG

Điều 62. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Bảo Long phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Bảo Long.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Bảo Long được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long.

XVII. CON DẤU

Điều 63. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định: số lượng con dấu, mẫu con dấu và quy định quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị giao cho Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Bảo Long và pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 64. Chấm dứt hoạt động

1. Bảo Long có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Bảo Long, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Bảo Long phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Bảo Long trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 65. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Bảo Long theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 66. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Bảo Long hoặc sau khi có một quyết định giải thể Bảo Long, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Bảo Long hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Bảo Long ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Bảo Long.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Bảo Long trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Bảo Long trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Bảo Long;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Bảo Long hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:

- a. Cổ đông với Bảo Long;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý cao cấp;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Bảo Long chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Bảo Long.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ (sửa đổi lần thứ 13) này gồm 21 Chương 69 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2023 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp cho Bộ Tài chính;

- b. Một (01) bản nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c. Một (01) bản nộp cho Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
 - d. Một (01) bản nộp cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
 - e. Một (01) bản nộp cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - f. Năm (05) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Bảo Long.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Bảo Long.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Bảo Long có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

CHỦ TỊCH HĐQT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Long

Phan Quốc Dũng



Số: 29 /2023/TT-HĐQT


TỜ TRÌNH

V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Thực hiện các quy định về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng Quản trị đã xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (theo dự thảo đính kèm), kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình, 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH LONG

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 06 năm 2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2023;

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Bảo Long, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Bảo Long và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
3. Đối tượng áp dụng:
 - a. Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
 - b. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành ;



c. Người có liên quan của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. **"Bảo Long"** là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
 - b. **"Cổ đông"** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần tại Bảo Long, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
 - c. **"Người có liên quan"** là các đối tượng được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và được cụ thể hóa tại điểm f khoản 1 Điều 1 Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.
 - d. **"Người quản lý Bảo Long"** là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - e. **"Giấy tờ pháp lý của cá nhân"** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
 - f. **"Giấy tờ pháp lý của tổ chức"** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
 - g. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, và các Luật sửa đổi bổ sung của Luật Doanh nghiệp này (nếu có).
 - h. **"Đại hội trực tuyến"** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Bảo Long và các văn bản pháp luật đã có sự thay đổi điều chỉnh mới mà Quy chế này chưa cập nhật hoặc dẫn đến những quy định trong Quy chế này không còn phù hợp thì những quy định mới đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Bảo Long.
3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Bảo Long. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Bảo Long;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Bảo Long, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Bảo Long;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Bảo Long, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Bảo Long;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Bảo Long;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Bảo Long và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Bảo Long và các cổ đông của Bảo Long;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;

- n. Bảo Long mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- o. Bảo Long hoặc các công ty thành viên của Bảo Long ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Bảo Long;
- p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Bảo Long.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 Điều lệ Bảo Long, gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Bảo Long phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của pháp luật.
 - Bảo Long lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

b. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ Bảo Long, cụ thể như sau:

- Thời gian gửi thông báo họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
- Cách thức gửi thông báo mời họp: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Bảo Long và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

c. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông: Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Bảo Long. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - + Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có);
 - + Phiếu biểu quyết;
 - + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ Bảo Long.

d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Bảo Long).
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản gốc Giấy ủy quyền trước khi vào phòng họp.

e. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 25 Điều lệ Bảo Long, cụ thể như sau:

- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Bảo Long phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Chứng

minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thư mời và Giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

- Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ.
- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Bảo Long cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện theo ủy quyền.
- Trong trường hợp trong chương trình họp có bầu Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thì Bảo Long sẽ cấp kèm theo phiếu bầu để cổ đông, người đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu khi tiến hành bầu cử.
- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

f. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

g. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

h. Cách thức bỏ phiếu:

- Hội đồng Quản trị xây dựng và trình Đại hội thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bao gồm quy định về cách thức bỏ phiếu, biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc quy định về việc bầu dồn phiếu trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Cổ đông bỏ phiếu theo cách thức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

i. Cách thức kiểm phiếu:

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Ban Kiểm phiếu kiểm đếm số phiếu biểu quyết "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến" để xác định tỷ lệ thông qua nội dung được biểu quyết và báo cáo Chủ tọa đại hội.
- Trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu, sau khi cổ đông bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và căn cứ theo Quy chế bầu cử để thông báo kết quả bầu cử cho toàn thể cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu, trong đó: ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ phiếu bầu của từng ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có).

j. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long theo Điều 15 của Điều lệ Bảo Long;
 - + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
 - + Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
 - + Các vấn đề khác do Điều lệ Bảo Long quy định.
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 26 và Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ Bảo Long.

k. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

l. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Bảo Long có quyền yêu cầu Bảo Long mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Bảo Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nói trên.
- Bảo Long phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông nêu trên với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Bảo Long trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Bảo Long giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

m. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thư ký Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Bảo Long. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có một số nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Bảo Long;
 - + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Bảo Long, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

n. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Bảo Long.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Bảo Long, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long, trừ các trường hợp sau đây:

- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

b. Trình tự và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Bảo Long.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức Đại hội trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo

hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử:

Cổ đông sẽ được cung cấp tài khoản truy cập qua thư mời tham gia Đại hội trực tuyến và thực hiện việc bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến đính kèm thư mời dự họp. Tài khoản truy cập để tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể sử dụng cùng một tài khoản hoặc hai tài khoản riêng biệt.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội trực tuyến:

- Việc ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện theo quy định như tham dự Đại hội trực tiếp được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền về số điện thoại, địa chỉ liên lạc và email. Đây là cơ sở để cấp tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- Văn bản ủy quyền phải được gửi về Bảo Long chậm nhất vào trước thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

4. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự họp Đại hội trực tuyến:

Cổ đông được coi là tham dự họp Đại hội trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội trực tuyến trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử các vấn đề tại cuộc họp Đại hội trực tuyến.
- Thực hiện đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản truy cập đã được cung cấp để tham dự họp trực tuyến và đã thực hiện biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình Đại hội.

Các cổ đông không đáp ứng được các điều kiện để tham dự tại cuộc họp Đại hội trực tuyến được coi là không tham dự cuộc họp Đại hội trực tuyến. Tỷ lệ cổ đông dự họp được tính bằng số cổ đông tham dự họp Đại hội trực tuyến trên tổng số cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia họp Đại hội trực tuyến:

- Cổ đông đã tham dự họp Đại hội trực tuyến được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bảo Long theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể theo dõi nội dung, diễn biến Đại hội trực tuyến thông qua hệ thống phát truyền hình trực tuyến của Bảo Long và tham gia trao đổi, hỏi đáp trực tuyến về các vấn đề tại Đại hội trực tuyến theo chương trình Đại hội đã được thông qua.

- Cổ đông đăng nhập muộn sau khi Đại hội trực tuyến đã diễn ra có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa biểu quyết, nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- Cổ đông có trách nhiệm bảo mật tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này. Cổ đông công nhận kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử do Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cung cấp.

6. Thủ tục tiến hành Đại hội trực tuyến:

- a. Đại hội trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đã tham dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Đại hội trực tuyến sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.
- c. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội trực tuyến đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

d. Phương thức bỏ phiếu biểu quyết:

Cổ đông lựa chọn một trong ba phương thức biểu quyết: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với từng vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội trực tuyến đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

e. Phương thức bỏ phiếu bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Bảo Long được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát do Đại hội trực tuyến thông qua.

f. Thực hiện bỏ phiếu điện tử:

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử chung với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội trực tuyến: Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử riêng với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội trực tuyến: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử trực tiếp đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu

điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

g. Kết quả bỏ phiếu điện tử:

Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Bảo Long.

Ban kiểm phiếu sẽ tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

h. Thông qua nghị quyết của Đại hội trực tuyến và biên bản, nghị quyết Đại hội trực tuyến:

Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội trực tuyến và việc lập biên bản, nghị quyết Đại hội trực tuyến được thực hiện như quy định đối với Đại hội trực tiếp quy định tại Điều 5 Quy chế này.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Bảo Long, có toàn quyền nhân danh Bảo Long để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Long không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Bảo Long và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Bảo Long;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ Bảo Long;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy

định tại điểm m khoản 2 Điều 21, khoản 1 và khoản 3 Điều 31 của Điều lệ Bảo Long;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối nghiệp vụ, Giám đốc các Đơn vị thành viên, và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Bảo Long;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
3. Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị, người quản lý khác trong Bảo Long cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Long và của các đơn vị trong Bảo Long.
 4. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Bảo Long quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Bảo Long gây thiệt hại cho Bảo Long thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Bảo Long; thành viên phản đối thông qua nghị quyết,

quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Bảo Long có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 8. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Bảo Long ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Bảo Long phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
4. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chung về người quản lý và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Bảo Long và không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo Long.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị và đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;

- b. Không phải là người đang làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long; không phải là người đã từng làm việc cho Bảo Long, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Bảo Long ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Bảo Long, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Bảo Long; là người quản lý của Bảo Long hoặc Công ty con của Bảo Long;
- e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Bảo Long;
- f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Bảo Long ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Bảo Long quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Long. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được gửi kèm Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông, đồng thời công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 12. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị:

1. Sau khi nhận được thông báo về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử phải gửi văn bản về việc ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị đến người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn được quy định tại thông báo. Văn bản ứng cử, đề cử phải có thông tin cổ đông, nhóm cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang nắm giữ, họ tên và các thông tin liên quan của ứng viên được đề cử.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Bảo Long phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Bảo Long để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo Long nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Bảo Long và các bên có liên quan của Bảo Long;
 - f. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tuân thủ Quy chế ứng cử, đề cử và bầu thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử do Đại hội thông qua.

- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ Bảo Long;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị khởi tố theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đó khi đánh giá quyết định khởi tố có ảnh hưởng đến thương hiệu, hoạt động của Bảo Long hay không.
- Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Điều lệ Bảo Long.
 - Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 15. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị do các thành viên Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu

theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Bảo Long và không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Bảo Long.
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Bảo Long; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở Trụ sở chính của Bảo Long hoặc nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Bảo Long.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị:

a. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Bảo Long;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

b. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

c. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị:

a. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

b. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp.

11. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của Thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Lập biên bản họp Hội đồng Quản trị:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
- b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
- c. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.
- d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Bảo Long thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Bảo Long và pháp luật có liên quan.

14. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị:

- a. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được chuyển đến các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.
- b. Đối với các Nghị quyết, quyết định về các vấn đề cần công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Bảo Long thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

Điều 17. Các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị thành lập các ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long, quy định cụ thể như sau:

1. Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị.

2. Cơ cấu và nhiệm kỳ của các Ủy ban:

Cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng về số lượng thành viên phải đảm bảo ít nhất ba (03) thành viên, bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài (nếu có), trong đó số lượng thành viên Hội đồng Quản trị chiếm đa số.

3. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban, Chủ tịch Ủy ban:

a. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

b. Tiêu chuẩn cụ thể của các thành viên Ủy ban sẽ được Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban.

4. Hội đồng Quản trị phân công nhân sự cho từng Ủy ban và có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên các Ủy ban theo quy định tại quy chế thành lập và hoạt động của từng Ủy ban.

5. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị và quy định tại quy chế thành lập và hoạt động của từng Ủy ban. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Long.

2. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện

quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về người kiểm soát doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
3. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bảo Long;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Bảo Long và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Bảo Long;
5. Không được giữ các chức vụ quản lý Bảo Long; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Bảo Long; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Bảo Long;
6. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Bảo Long.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Bảo Long.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Bảo Long, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Bảo Long.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Bảo Long, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bảo Long khi xét thấy cần thiết hoặc theo

ng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ Bảo Long.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ Bảo Long, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
7. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
8. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Long.
9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ Bảo Long thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Bảo Long.
11. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Bảo Long để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Bảo Long và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ Bảo Long;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Bảo Long;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên, thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và cách thức tiến hành bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Cách thức giới thiệu ứng viên, thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và cách thức tiến hành bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 10, 11, 12 Quy chế này.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức bộ máy giúp việc và trình Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh bảo hiểm.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 46 Điều lệ và các quy chế, quy định khác của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

CHƯƠNG VI

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Bảo Long có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
5. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Bảo Long theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo Long, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Bảo Long.
2. Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bảo Long theo đúng định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Việc mời tham dự phiên họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng Quản trị.
 - b. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát.

- c. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp. Thành viên được mời dự thỉnh có thể tham gia thảo luận, có ý kiến khi được Chủ tọa cuộc họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, nghị quyết phiên họp phải được gửi cho các thành viên tham dự cuộc họp (kể cả thành viên dự thỉnh) sau khi cuộc họp kết thúc.
2. Thông báo văn bản của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
Bản sao các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được chuyển đến cho Tổng Giám đốc trong thời hạn tối đa năm (05) ngày để Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai thực hiện, đồng thời được chuyển đến Ban Kiểm soát để thông tin về các vấn đề quản lý doanh nghiệp đã được Hội đồng Quản trị thông qua.
3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị:
- a. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Quản trị:
- Trường hợp Tổng Giám đốc (hoặc Thành viên Ban Kiểm soát) phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (hoặc Tổng Giám đốc), Tổng Giám đốc (hoặc Ban Kiểm soát) phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị để yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi nhận thấy có sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của Bảo Long.
- b. Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình tại khoản 5 Điều 46 Điều lệ Bảo Long.
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao định kỳ cho Hội đồng Quản trị (quý/06 tháng/năm) và cho Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc khi được yêu cầu.
5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc:
Hội đồng Quản trị áp dụng cách thức phê bình, tự phê bình nhằm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc, qua đó Tổng Giám đốc khắc phục các điểm còn hạn chế, phát huy thế mạnh để nâng cao năng lực điều hành công ty. Việc kiểm điểm được thực hiện theo các nội dung: quá trình thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng Quản trị phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời tạo điều kiện để Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Bảo Long, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty.
 - b. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có các biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý, điều hành trong hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 28. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - d. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - e. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - f. Hoàn thành nhiệm vụ.
 - g. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 29. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại khoản 3 Điều 29 Quy chế này.
2. Chế độ khen thưởng:
 - h. Bằng tiền.

- i. Bảng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 30. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Bảo Long, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG IX
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long bao gồm 9 Chương, 31 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH LONG



Số: 30 /2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**V/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Thực hiện các quy định về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng Quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (theo dự thảo đính kèm), kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình, **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH LONG

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 06 năm 2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long thông qua ngày ... tháng ... năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2023;

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Bảo Long.

2. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Long và của các đơn vị trong Bảo Long.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Bảo Long;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);
 - d. Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Bảo Long với Thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa Bảo Long với công ty trong đó Thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Bảo Long theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Bảo Long phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Bảo Long cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Long và của đơn vị trong Bảo Long.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Bảo Long ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Bảo Long không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó

tiếp tục là Thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Bảo Long phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chung về người quản lý và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Bảo Long và không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo Long.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị của Bảo Long không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Bảo Long, công ty mẹ hoặc công ty con của Bảo Long; không phải là người đã từng làm việc cho Bảo Long, công ty mẹ hoặc công ty con của Bảo Long ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Bảo Long, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Bảo Long; là người quản lý của Bảo Long hoặc công ty con của Bảo Long;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Bảo Long;
 - e. Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Bảo Long ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Quyết định của Hội đồng Quản trị thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc Quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị có hiệu lực. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ Thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Thành viên đó bị khởi tố theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đó khi đánh giá quyết định khởi tố có ảnh hưởng đến thương hiệu, hoạt động của Bảo Long hay không.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Điều lệ Bảo Long.

- c. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ Bảo Long được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Bảo Long quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Long. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử..
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử do Đại hội thông qua.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Bảo Long phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Bảo Long để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo Long nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Bảo Long và các bên có liên quan của Bảo Long;
 - f. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Bảo Long để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Bảo Long;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ Bảo Long;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m khoản 2 Điều 21, khoản 1 và khoản 3 Điều 31 của Điều lệ Bảo Long;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối nghiệp vụ, Giám đốc các Đơn vị thành viên, và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Long;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo Long, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Bảo Long;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Bảo Long thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Bảo Long; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Bảo Long có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Bảo Long với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Bảo Long và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Điều lệ Bảo Long.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Bảo Long ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Bảo Long ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng

hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo Long;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Bảo Long yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định trong Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 20 Điều lệ Bảo Long;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách kinh doanh, đầu tư, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài (nếu có). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn (bảy) 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Bảo Long; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Bảo Long.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ công ty.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Bảo Long. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số Thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
13. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Bảo Long và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Bảo Long;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Bảo Long;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Bảo Long có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Bảo Long.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Bảo Long có quyền trả thù lao, thưởng cho Thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng Thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Bảo Long và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Bảo Long thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Bảo Long theo quy định tại Điều lệ công ty và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Bảo Long;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Bảo Long phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Bảo Long, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Bảo Long trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo Long; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các Văn phòng đại diện/Chi nhánh của Bảo Long;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d. Bảo Long phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của Bảo Long

và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Bảo Long.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Bảo Long đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Bảo Long.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, Thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì Thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long bao gồm 7 chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH LONG

Số: 04 /2023/BC-HĐQT

BÁO CÁO**Về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (HĐQT) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022**1. Kết quả thực hiện một số nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022:****Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022:**

Chi tiêu	KH 2022 triệu đồng	TH 2022 triệu đồng	HTKH %
Doanh thu phí BH	1.558.851	1.587.790	
- Phí BH	1.700.000	1.608.492	94,6%
- Tăng (giảm) dự phòng phí	(141.149)	(20.702)	
Phí nhượng tái	(561.318)	(566.926)	
- Phí nhượng tái	(608.905)	(550.524)	
-Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái	47.587	(16.402)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	193.378	156.575	
Doanh thu thuần hoạt động BH gốc	1.190.911	1.177.439	98,9%
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(601.276)	(656.867)	
Thu bồi thường nhượng tái	232.728	278.259	
Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	(10.205)	(10.580)	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(588.377)	(551.217)	
- Chi hoa hồng	(180.873)	(166.579)	
- Chi khác hoạt động kinh doanh BH	(407.504)	(384.638)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(967.130)	(940.405)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	223.781	237.034	105,9%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	130.000	136.276	104,8%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(274.839)	(262.839)	
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	78.942	110.471	139,9%
Lợi nhuận khác	0	(356)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.942	110.115	139,5%

- **Phân phối lợi nhuận năm 2021:** HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo đúng nội dung Điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- **Chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:** Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất cùng Ban Kiểm soát chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) trong danh sách các công ty được ĐHCĐ 2022 ủy quyền HĐQT lựa chọn, để thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.
- **Thù lao Hội đồng Quản trị:** Trong năm 2022, thù lao của các thành viên HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội dung tờ trình đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua là theo số thực tế phát sinh nhưng không vượt quá 5% trên lợi nhuận sau thuế.

2. Các hoạt động khác của Hội đồng Quản trị:

- Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự mở rộng tham gia của các Thành viên Ban kiểm soát; lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, tham dự chỉ đạo các phiên họp giao ban hàng tháng với Ban Điều hành Tổng Công ty cũng như họp các Ủy ban trực thuộc HĐQT, theo đó các Nghị quyết được thông qua như:
 - o **Các nghị quyết được thông qua tại các phiên họp thường kỳ:**
 - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 4 tháng đầu năm và dự kiến Kế hoạch hoạt động kinh doanh 8 tháng cuối năm 2022.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7 tháng đầu năm và Kế hoạch hoạt động 5 tháng cuối năm 2022.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2022.
 - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2023.
 - o **Các nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
 - + Nghị quyết về việc phê duyệt chương trình tái bảo hiểm hàng năm.
 - + Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.
 - + Nghị quyết về việc thông qua các dự thảo tờ trình, báo cáo trình ĐHCĐ bất thường và thường niên 2022.
 - + Nghị quyết về việc thông qua kết quả kinh doanh 2021 và kế hoạch năm 2022.
 - + Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày bắt đầu chi trả cổ tức năm 2021.
 - + Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2022 của Bảo Long.

- + Một số Nghị quyết liên quan đến việc điều chuyển, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm CBNV và các vấn đề liên quan đến nhân sự khác của Bảo Long.
 - + Và một số Nghị quyết khác trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, tiếp nhận và xử lý kịp thời các yêu cầu của cổ đông.
 - Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá chung:

Thực hiện vai trò là cơ quan quản lý hoạt động kinh doanh của Bảo Long, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và có sự tham dự đầy đủ, tích cực của các Thành viên. Tại cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tập trung thảo luận các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của Bảo Long; đưa ra những ý kiến đánh giá về chiến lược và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm đã đề ra.

Trong năm 2022, HĐQT tích cực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Bảo Long. Đồng thời, HĐQT đã thường xuyên có các chỉ đạo, định hướng kịp thời cho Ban Điều hành khi cần thiết, để tiếp tục duy trì, ổn định và phát huy thế mạnh kinh doanh của Bảo Long trong bối cảnh thị trường nhiều cạnh tranh và chưa hoàn toàn khôi phục sau đại dịch Covid-19.

Theo đánh giá chung của HĐQT, mặc dù còn một số tồn tại nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đã hoàn thành, các công tác quản trị công ty trong năm được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển của Bảo Long trong năm 2023.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu như sau:

- Chỉ đạo, định hướng chiến lược kinh doanh cùng với Ban Điều hành phù hợp với tình hình thực tế của Bảo Long, để ứng biến kịp thời với bối cảnh thị trường nhiều cạnh tranh và chưa hoàn toàn khôi phục sau đại dịch Covid-19, với mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm.
- Ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách kinh doanh và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện kịp thời.
- Thường xuyên đánh giá công tác triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua các phiên họp thường kỳ của HĐQT.
- Thường xuyên cùng Ban Điều hành rà soát, củng cố lại bộ máy tổ chức đảm bảo gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, tăng cường công tác quản lý ngành dọc song song với việc nâng cao chất lượng nhân sự trong toàn hệ thống.

- Cùng với Ban Điều hành kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của các công ty thành viên để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các đơn vị.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát một cách tích cực, chủ động, trong việc duy trì tính an toàn, kiểm soát rủi ro và đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc:

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý Bảo Long, HĐQT luôn tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành công ty. Cụ thể:

- Chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, quy định của Tổng Công ty trong công tác quản trị, điều hành và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Bảo Long.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của công ty. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Bảo Long; nhanh chóng có những chỉ đạo kịp thời đến Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động điều hành công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành báo cáo HĐQT về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo từng tháng/quý hoặc khi cần thiết, để nhanh chóng có các chỉ đạo, quyết sách phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro phát sinh.

Năm 2022 vừa qua, trong bối cảnh thị trường không có nhiều thuận lợi, nhưng Tổng Giám đốc và Ban Điều hành rất chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua, nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định chỉ đạo của HĐQT.

Trong hoạt động điều hành Bảo Long, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn thể hiện được tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để duy trì, ổn định hoạt động hệ thống và không ngừng tìm kiếm giải pháp để mở rộng thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Bảo Long; đồng thời truyền động lực, tinh thần nhiệt huyết cho đội ngũ cán bộ nhân viên để phát huy tính sáng tạo và chủ động trong công việc, không ngừng học hỏi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và tiếp cận thị trường, khách hàng.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Quản lý, điều hành:

- Đảm bảo thực hiện hoạt động quản trị của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm; củng cố và phát huy vai trò tham mưu của các Ủy ban trực thuộc HĐQT;

tăng cường công tác lãnh đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của Quý vị Cổ đông.

- Duy trì chế độ họp HĐQT định kỳ hàng quý và thông qua các nghị quyết, quyết định dưới hình thức phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, chỉ đạo công tác quản trị công ty trên cơ sở đảm bảo cao nhất quyền lợi của cổ đông.
- Đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp kinh doanh đã đề ra trong chiến lược 5 năm Bảo Long sắp đến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, hỗ trợ Ban Điều hành khắc phục các trở ngại của thị trường khi cần thiết, phấn đấu hoàn thành tốt chiến lược kinh doanh đã đề ra.
- Tăng cường các công tác dự báo thị trường, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn hệ thống an toàn, hiệu quả.
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp các quy định mới của pháp luật, đảm bảo tiêu chí đúng quy định, đầy đủ, ngắn gọn, dễ thực hiện và hiệu quả. Phối hợp với các đơn vị trong hệ thống để tham mưu chính sách với Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tiếp tục theo dõi và góp ý dự thảo ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm (nếu có) để cùng hoàn thiện hành lang pháp lý, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Quan tâm theo dõi và củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa để đáp ứng nguồn lực thực hiện định hướng phát triển hệ thống, tiếp tục tổng kết, đánh giá và điều chỉnh Mô hình phân vùng kinh doanh khi cần thiết, sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đem lại hiệu quả cao.
- Từng bước quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá để hướng đến việc xây dựng được một tập thể cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo, trí tuệ.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro trong hoạt động của hệ thống; phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để duy trì tính an toàn, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, đảm bảo an toàn trong hoạt động của Bảo Long, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

2. Công tác tổ chức nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh, phát triển thương hiệu

- Tiếp tục công tác chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong việc rà soát, đánh giá, tái cơ cấu khi cần thiết đơn vị thành viên nào hoạt động chưa hiệu quả trong năm 2022, song song với việc quan tâm, hỗ trợ đơn vị kịp thời để đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho đơn vị hoạt động.
- Xây dựng và điều chỉnh các chính sách nhân sự phù hợp tình hình thực tiễn, tạo tiền đề cho việc đánh giá lại đội ngũ cán bộ nhân viên hiện có thường xuyên liên

tục. Từ đó có kế hoạch bố trí, điều động nhân sự vào các vị trí thích hợp, tích cực bồi dưỡng, đào tạo năng lực chuyên môn, nhằm đảm bảo nguồn nhân sự Bảo Long ngày càng ổn định và có chất lượng.

- Tập trung hơn nữa việc chăm lo đội ngũ cán bộ chủ chốt và đội ngũ nhân sự kế thừa, xây dựng quy trình quy hoạch cán bộ, có thêm chính sách thu hút nhân tài; chuẩn bị đội ngũ chuyên viên đáp ứng công việc của ngành bảo hiểm kỹ thuật số đang phát triển nhanh theo xu thế chung của thế giới.
- Tham gia cùng Ban Điều hành trong việc tiếp tục đẩy mạnh khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng.
- Không ngừng nâng cấp cơ sở hạ tầng phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản trị điều hành và kinh doanh theo xu hướng công nghệ hiện đại 4.0; tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh phát triển sản phẩm bảo hiểm qua kênh công nghệ, chuyển đổi bảo hiểm số. Song song với đó, tích cực điều chỉnh cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp định hướng phát triển mới.
- Đẩy mạnh chiến lược digital marketing, công tác truyền thông hiệu quả để nâng cao giá trị thương hiệu của Bảo Long.
- Chú trọng rà soát điều chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao hơn nữa dịch vụ chăm sóc khách hàng để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm.
- Đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và có hiệu quả của các ủy ban trực thuộc HĐQT, nhằm tham mưu nhanh chóng để HĐQT có các quyết sách kịp thời, hỗ trợ Ban Điều hành thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- HĐQT Bảo Long luôn nỗ lực vì mục tiêu tối đa hóa quyền lợi của các cổ đông cũng như cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc của toàn bộ cán bộ nhân viên nhằm thu hút chất xám và nhân sự chất lượng cao về làm việc tại Bảo Long.

Năm 2023 được nhận định là một năm còn nhiều khó khăn về kinh tế. Trước thách thức về thị trường đầy cạnh tranh và nền kinh tế không mấy thuận lợi, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2023 đăng ký với Đại hội đồng cổ đông, phát huy những thành quả cả tập thể Bảo Long đã nỗ lực đạt được trong năm qua. HĐQT tin tưởng với sự đồng lòng của toàn hệ thống, một năm kinh doanh mới của Bảo Long sẽ có nhiều khởi sắc, tiếp tục duy trì và thúc đẩy Bảo Long phát triển bền vững, từng bước nâng tầm vị thế trên thị trường bảo hiểm trong và ngoài nước. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG
QUAN 12, TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN THÀNH LONG

Số: 16/2023/BC-BKS

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

và kế hoạch hoạt động năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

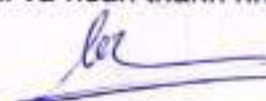
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022

Đến 31/12/2022, BKS Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) gồm 04 thành viên, sử dụng Ban Kiểm toán nội bộ là bộ phận giúp việc. BKS đã thực hiện và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ năm 2022 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long, bao gồm:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long trong việc quản trị, điều hành Bảo Long;
- ❖ Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập;
- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Bảo Long theo quy định;
- ❖ Tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- ❖ Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp với TGD và các đơn vị trong hệ thống. HĐQT, BKS, BDH đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ

 1/7



theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS tại 5 cuộc họp đã được ghi nhận và cơ bản được HĐQT, BDH tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

- ❖ Phối hợp đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Bảo Long.
- ❖ BKS đã tổ chức 5 phiên họp chính thức, chi tiết nội dung các phiên họp:
 - ✓ Rà soát Báo cáo tài chính cuối mỗi quý và trao đổi về một số rủi ro tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2022;
 - ✓ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022;
 - ✓ Đánh giá hệ thống KSNB của Bảo Long đến thời điểm hiện tại để đưa ra kiến nghị đối với Tổng giám đốc về công tác kiểm tra, giám sát, quản lý rủi ro và tăng năng lực tài chính;
 - ✓ Đánh giá ảnh hưởng của sự kiện tại ngân hàng SCB đến tình hình kinh doanh của Bảo Long;
 - ✓ Rà soát và thực hiện tu chỉnh các tài liệu chất lượng hiện hành để đảm bảo tuân thủ Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.
- ❖ Trong năm, BKS đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 07 đơn vị/ Ban trung tâm và giám sát từ xa 12 đơn vị. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã có những kiến nghị với HĐQT, BDH về các hoạt động điều hành trong các phiên họp HĐQT, trong các báo cáo định kỳ hàng tháng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA BẢO LONG

1. Giám sát đối với hoạt động của HĐQT

- ❖ Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm ban hành kịp thời các nghị quyết, quy định, quy chế để định hướng theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và đóng góp được nhiều ý kiến mang tính thực tiễn cao.
- ❖ HĐQT đã ban hành 55 Nghị quyết thuộc nhiều lĩnh vực như nhân sự, kinh doanh, mạng lưới... đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản trị điều hành và hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Các quyết định của HĐQT đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT, được BDH triển khai thực hiện kịp thời.



- ❖ HĐQT tích cực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Bảo Long.
- ❖ HĐQT đã hoạt động tuân thủ theo Điều lệ của Bảo Long.

2. Giám sát đối với hoạt động của TGD

- ❖ Trong năm 2022 có sự thay đổi về TGD như sau:
 - ✓ Bà Lê Thị Ngọc Hương đã được bổ nhiệm chức vụ TGD từ ngày 5/3/2022 đến 31/8/2022.
 - ✓ Bà Phạm Minh Châm - Phó TGD Điều hành được ủy quyền quản lý, điều hành từ ngày 1/9/2022 đến 12/12/2022.
 - ✓ Ông Phan Quốc Dũng được bổ nhiệm chức vụ TGD từ ngày 13/12/2022 đến nay.
- ❖ TGD đã triển khai nhiều giải pháp về quản lý nghiệp vụ, quản lý tài chính trong năm 2022 nhằm hoàn thành các mục tiêu về kinh doanh và quản lý. Năm 2022 là năm rất khó khăn cho hoạt động đầu tư tài chính, đặc biệt là hoạt động kinh doanh mua bán chứng khoán. Tuy nhiên, số liệu đầu tư trong năm 2022 của Bảo Long đã ghi nhận những điểm tích cực nổi bật, lợi nhuận hoạt động tài chính đạt được 136.276 triệu đồng, đóng góp 123% lợi nhuận trước thuế, hoàn thành 105% kế hoạch lợi nhuận đầu tư của Bảo Long năm 2022.
- ❖ TGD đã hoạt động tuân thủ theo nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ của Bảo Long.

3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2022, tại ĐHĐCĐ thường niên của Bảo Long ngày 17/05/2022, ĐHĐCĐ đã đưa ra 01 Nghị quyết. BKS đánh giá việc thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ như sau:

❖ Về kết quả kinh doanh

Bảo Long hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu, 139% kế hoạch lợi nhuận. (Xem chi tiết tại mục 4)

❖ Phân phối lợi nhuận năm 2021

✓ Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc

Bảo Long đã trích quỹ dự trữ bắt buộc là 4.148 triệu đồng.

✓ Thù lao HĐQT, BKS

Bảo Long đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT và BKS là 2.813 triệu đồng.

✓ **Chi trả cổ tức:**

Bảo Long đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12,03% (01 cổ phiếu được nhận 1.203 đồng cổ tức tính trên vốn điều lệ) là 72.179 triệu đồng.

✓ **Chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động (ESOP):**

Trong năm 2021, Bảo Long đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2021 sau khi trích quỹ và thù lao HĐQT để tạo nguồn cho chương trình ESOP. Tổng nguồn cho chương trình ESOP là 13.578 triệu đồng.

❖ **Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022**

Bảo Long đã chọn công ty KPMG kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

❖ **Tăng vốn điều lệ trong giai đoạn 2018-2022**

Bảo Long chưa thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2022.

4. Tình hình hoạt động kinh doanh.

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.485.000	1.360.905	92%
Doanh thu phí nhận tái	215.000	247.588	115%
LN gộp từ hoạt động kinh doanh	72.132	237.034	329%
LN gộp từ hoạt động tài chính	130.000	136.276	105%
LN khác	-	(356)	-
Tổng LN kế toán trước thuế	78.942	110.115	139%

Hoạt động của Bảo Long trong năm 2022 đã đạt được một số kết quả như sau:

- ❖ Trong năm 2022, doanh thu phí bảo hiểm gốc là 1.360.905 triệu đồng, nhận tái bảo hiểm là 247.588 triệu đồng, tăng tương ứng 10% và 36% so với cùng kỳ. Nghiệp vụ tài sản và nghiệp vụ con người đóng góp tích cực trong việc tăng trưởng doanh thu,

 4/7

tăng tương ứng 32% và 18% so với cùng kỳ. Các vùng tăng trưởng mạnh doanh thu là Trụ sở chính (35%) và Tp.Hồ Chí Minh (27%).

- ❖ Chi phí bồi thường đạt 365.377 triệu đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.
- ❖ Hoạt động đầu tư tài chính tăng 41% so với năm 2021, chủ yếu từ đầu tư chứng khoán, tỷ lệ tăng so với cùng kỳ là 299%.

5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Bảo Long và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Bảo Long được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, được Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Bảo Long tại thời điểm ngày 31/12/2022.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2022 như sau:

- ❖ Tổng tài sản đạt 2.522.621 triệu đồng, tăng 232.047 triệu đồng, tỷ lệ tăng 10% so với năm 2021. Trong đó:
 - ✓ Tài sản ngắn hạn là 2.315.616 triệu đồng, chiếm 91,8%;
 - ✓ Tài sản dài hạn là 207.005 triệu đồng, chiếm 8,2%;
- ❖ Vốn và các quỹ đạt 747.967 triệu đồng, tăng 15.665 triệu đồng, tỷ lệ tăng 2,1% so với cuối năm 2021;
- ❖ Tổng doanh thu bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm là 1.608.493 triệu đồng, tăng 189.377 triệu đồng, tỷ lệ tăng 13,3% so với cuối năm 2021;
- ❖ Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 237.034 triệu đồng, lợi nhuận từ đầu tư tài chính là 136.276 triệu đồng, lợi nhuận từ hoạt động khác là (356) triệu đồng;
- ❖ Lợi nhuận trước thuế 110.115 triệu đồng;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 14,7%;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 4,4%;
- ❖ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông: 14,6%;
- ❖ Bảo Long đã trích lập dự phòng đúng theo quy định của Bộ Tài chính.

NG T
ÁN
ÉM
ING
5 CH

Các khoản dự phòng đến 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

○ Dự phòng phí	663.531
○ Dự phòng bồi thường	417.763
○ Dự phòng dao động lớn	93.068
○ Tài sản tái Bảo hiểm	(358.280)
○ Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	12.353
○ Dự phòng nợ khó đòi	42.022
○ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.503

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS

1. Lương, thù lao năm 2022 của BKS.

Trong năm 2022, BKS nhận tiền lương (đối với thành viên chuyên trách) và thù lao (đối với thành viên kiêm nhiệm) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022.

2. Lương, thù lao năm 2023 của BKS.

BKS đề xuất lương, thù lao, chi phí hoạt động năm 2023 như sau:

Lương, thù lao của Trưởng BKS và các thành viên BKS: theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt tổng mức thù lao của BKS, và theo Nghị quyết của HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể của từng thành viên BKS.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2023

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Bảo Long, trong năm 2023 định hướng hoạt động của BKS như sau:

- ❖ Thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy chế hoạt động BKS của Bảo Long.
- ❖ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Bảo Long, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023.
- ❖ Giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH.
- ❖ Thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định.
- ❖ Thực hiện các yêu cầu của cổ đông, HĐQT theo quy định của Pháp luật.


B.17

Trân trọng báo cáo và trình ĐHĐCĐ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu VP.HĐQT, BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

LE THỊ THANH BÌNH



Số 31/2023/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH**Về việc chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2023****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**


Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Bảo Long quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Bảo Long. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thống nhất cùng Ban kiểm soát chọn Công ty Kiểm toán KPMG là Công ty thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Bộ tài chính công bố để thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.

Tại Đại hội này, sau khi thống nhất với Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dưới đây để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Bảo Long như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH KPMG

Nguyên tắc chọn đơn vị kiểm toán độc lập phải là công ty kiểm toán có uy tín trên thị trường, có kinh nghiệm kiểm toán cho công ty bảo hiểm, có chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội nhất trí thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN****LÊ THỊ THANH BÌNH**

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**TỔNG CÔNG TY
CÓ PHẦN
BẢO HIỂM
BẢO LONG**

QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÀNH LONG